

KẾ HOẠCH DẠY HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN
MÔN HỌC LỊCH SỬ, KHỐI LỚP 10, 11, 12
(Năm học 2025 - 2026)

I. Đặc điểm tình hình

1. Số lớp: 32 (trong đó có 10 lớp 10, 11 lớp 11, 11 lớp 12); Số học sinh: 442 (lớp 10), 439 (lớp 11), 447(lớp 12) tổng 1328HS ; Số học sinh học chuyên đề lựa chọn: 02 (lớp 10); 0 (lớp 11) 01 (lớp 12)

2. Tình hình đội ngũ: Số giáo viên: 04 ; Trình độ đào tạo: Đại học: 04

Mức đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên: Tốt: 04

3. Thiết bị dạy học: (Trình bày cụ thể các thiết bị dạy học có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáo dục)

STT	Thiết bị dạy học	Số lượng	Các bài thí nghiệm/thực hành	Ghi chú
1	Bộ học liệu điện tử hỗ trợ GV: giáo án Powerpoint, các phần mềm Googleform, Quizi	04 bộ	Thực hành chủ đề 1: Lịch sử và Sử học	
2	Lược đồ hành chính, văn hóa, các chiến dịch, tranh ảnh theo các chủ đề	03 bộ	Thực hành chủ đề 2: Vai trò của Sử học	
3	Phim tài liệu theo chủ đề	0 bộ	Thực hành chủ đề 3: Một số nền Văn minh thế giới thời kì cổ - trung đại	
4	Video/clip ngắn theo chủ đề	0 bộ	Thực hành chủ đề 4: các cuộc Cách mạng công nghiệp trong lịch sử thế giới	
5	Máy tính	01	Thực hành Chủ đề 5: Văn minh Đông Nam Á thời kì cổ - trung đại	
6	Tivi	32	Thực hành chủ đề 6: Một số nền Văn minh trên đất nước Việt Nam (trước năm 1858)	
7	Máy chiếu	01	Thực hành chủ đề 7: Cộng đồng các dân tộc Việt Nam	

4. Phòng học bộ môn/phòng thí nghiệm/phòng đa năng/sân chơi, bãi tập (Trình bày cụ thể các phòng thí nghiệm/phòng bộ môn/phòng đa năng/sân chơi/bãi tập có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáo dục)

STT	Tên phòng	Số lượng	Phạm vi và nội dung sử dụng	Ghi chú
1	Phòng bộ môn	01	- Họp tổ, Sinh hoạt CM, báo cáo chuyên đề...	
2	Phòng đa năng	01	- Sử dụng cho các tiết dạy ngoài không gian lớp học	

3	Lớp học	32	- Sử dụng cho các tiết dạy chính khóa	
---	---------	----	---------------------------------------	--

II. Kế hoạch dạy học

1. Phân phối chương trình (PPCT)

LỊCH SỬ 10

Cả năm: 35 tuần (52 tiết)

Học kì I: 18 tuần (18 tiết)

Học kì II: 17 tuần (34 tiết)

Tiết PPCT	Bài học	Số tiết	Yêu cầu cần đạt
HỌC KÌ I			
CHỦ ĐỀ ĐỊNH HƯỚNG NGHỀ NGHIỆP (10% ≈ 5 tiết)			
CHỦ ĐỀ 1: LỊCH SỬ VÀ SỬ HỌC			
1, 2	<p>Bài 1. Hiện thực lịch sử và lịch sử được con người nhận thức <i>(Tiết 1: mục 1)</i></p> <p>Mục 1. Lịch sử là gì</p> <ul style="list-style-type: none"> – Hiện thực lịch sử – Lịch sử được con người nhận thức <p>Mục 2. Sử học là gì?</p> <p>a) <i>Khái niệm Sử học, đối tượng nghiên cứu của Sử học</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Khái niệm sử học – Đối tượng nghiên cứu của sử học <p>b) <i>Chức năng, nhiệm vụ của Sử học</i></p>	02	<ul style="list-style-type: none"> – Trình bày được khái niệm lịch sử. – Phân biệt được lịch sử hiện thực và lịch sử được con người nhận thức. – Giải thích được khái niệm sử học. – Trình bày được đối tượng nghiên cứu của sử học. – Nêu được chức năng, nhiệm vụ của sử học.

3	<p>Bài 2. Tri thức lịch sử và cuộc sống <i>Mục 1. Sự cần thiết của việc học tập, khám phá lịch sử suốt đời</i> <i>Mục 2. Kết nối lịch sử với cuộc sống, cuộc sống với lịch sử</i> <i>Mục 3. Sưu tầm, thu thập, xử lí thông tin sử liệu trong khám phá, học tập lịch sử</i></p>	01	<ul style="list-style-type: none"> – Giải thích được sự cần thiết phải học tập lịch sử suốt đời. – Vận dụng kiến thức, bài học lịch sử để giải thích những vấn đề thời sự trong nước và thế giới, những vấn đề trong thực tiễn cuộc sống (ở mức độ đơn giản). – Biết cách sưu tầm, thu thập, xử lí thông tin, sử liệu để học tập, khám phá lịch sử. – Quan tâm, yêu thích và tham gia các hoạt động tìm hiểu lịch sử, văn hoá của dân tộc Việt Nam và thế giới.
4	Thực hành chủ đề 1	01	<ul style="list-style-type: none"> – Tổ chức các cuộc thi tìm hiểu lịch sử, các trò chơi lịch sử,... Tổ chức các hoạt động thực hành lịch sử tại lớp học.
CHỦ ĐỀ 2: VAI TRÒ CỦA SỬ HỌC			
5,6	<p>Bài 3. Vai trò của Sử học <i>(Tiết 1: mục 1)</i> Mục 1. Sử học với công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá, di sản thiên nhiên a) Mọi quan hệ giữa Sử học với công tác bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hoá b) Vai trò của công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá và thiên nhiên Mục 2. Sử học với sự phát triển du lịch a) Vai trò của lịch sử và văn hoá đối với sự phát triển du lịch b) Vai trò của du lịch đối với việc bảo tồn di tích lịch sử và di sản văn hoá</p>	02	<ul style="list-style-type: none"> – Nêu được mối quan hệ giữa sử học với công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá, di sản thiên nhiên. – Có ý thức vận động được các bạn và mọi người ở xung quanh cùng tham gia bảo vệ các di sản văn hoá, di sản thiên nhiên ở địa phương. – Giải thích được vai trò của lịch sử và văn hoá đối với sự phát triển du lịch. – Nêu được tác động của du lịch với công tác bảo tồn di tích lịch sử, văn hoá.
7	Thực hành chủ đề 2	01	<ul style="list-style-type: none"> – Tổ chức các cuộc thi tìm hiểu lịch sử, các trò chơi lịch sử,... Tổ chức các hoạt động thực hành lịch sử tại lớp học.
8	Kiểm tra đánh giá giữa kì I	01	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá kết quả học tập của HS từ bài 1 đến bài 3. - Xác định mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của HS so với yêu cầu cần đạt.

			<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá năng lực tìm hiểu; vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học (thông qua hệ thống câu hỏi kiểm tra). - Giáo dục ý thức trung thực, tự giác, nghiêm túc trong quá trình kiểm tra.
LỊCH SỬ THẾ GIỚI			
CHỦ ĐỀ 3: MỘT SỐ NỀN VĂN MINH THẾ GIỚI THỜI KÌ CỔ - TRUNG ĐẠI (8% ≈ 4 tiết)			
9,10	<p>Bài 4. Khái niệm văn minh. Một số nền văn minh phương Đông thời kì cổ - trung đại <i>(Tiết 1: mục 1 và mục 2.a)</i></p> <p>Mục 1. Khái niệm văn minh</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khái niệm văn minh - Phân biệt văn minh và văn hoá <p>Mục 2. Một số nền văn minh phương Đông thời kì cổ - trung đại</p> <p>a) <i>Những thành tựu tiêu biểu của văn minh Ai Cập cổ đại</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Những thành tựu tiêu biểu - Ý nghĩa <p><i>(Tiết 2: mục 2.b,c)</i></p> <p>b) <i>Văn minh Ấn Độ thời kì cổ - trung đại</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Những thành tựu tiêu biểu - Ý nghĩa <p>c) <i>Văn minh Trung Hoa thời kì cổ - trung đại</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Những thành tựu tiêu biểu - Ý nghĩa 	02	<ul style="list-style-type: none"> - Giải thích được khái niệm văn minh. - Phân biệt được khái niệm văn minh, văn hoá. - Biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu về các nền văn minh cổ đại phương Đông. - Nêu được thành tựu tiêu biểu và ý nghĩa của văn minh Ai Cập về chữ viết, khoa học tự nhiên, kiến trúc, điêu khắc. - Nêu được thành tựu tiêu biểu và ý nghĩa của văn minh Ấn Độ về chữ viết, văn học nghệ thuật, khoa học tự nhiên, tư tưởng, tôn giáo. - Nêu được thành tựu tiêu biểu và ý nghĩa của văn minh Trung Hoa về chữ viết, văn học nghệ thuật, sử học, khoa học tự nhiên, y học, thiên văn học, lịch pháp, tư tưởng, tôn giáo.

11,12	<p>Bài 5. Một số nền văn minh phương Tây thời kì cổ - trung đại <i>(Tiết 1: mục 1)</i> Mục 1. Những thành tựu tiêu biểu của văn minh Hy Lạp - La Mã cổ đại – Những thành tựu tiêu biểu – Ý nghĩa</p> <p>Mục 2. Văn minh Tây Âu thời kì Phục hưng – Những thành tựu tiêu biểu – Ý nghĩa</p>	02	<ul style="list-style-type: none"> – Biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu về các nền văn minh phương Tây thời kì cổ - trung đại. – Nêu được những thành tựu tiêu biểu và ý nghĩa của văn minh Hy Lạp – La Mã về chữ viết, thiên văn học, lịch pháp, văn học, nghệ thuật, khoa học tự nhiên, tư tưởng, tôn giáo, thể thao. – Nêu được những thành tựu tiêu biểu và ý nghĩa của văn minh thời Phục hưng về tư tưởng, văn học, nghệ thuật, khoa học kĩ thuật, thiên văn học.
13	Thực hành chủ đề 3	01	<ul style="list-style-type: none"> – Tổ chức các cuộc thi tìm hiểu lịch sử, các trò chơi lịch sử,... – Tổ chức các hoạt động thực hành lịch sử tại lớp học.
CHỦ ĐỀ 4. CÁC CUỘC CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP TRONG LỊCH SỬ THẾ GIỚI (11% ≈ 5 tiết)			
14, 15, 16	<p>Bài 6. Các cuộc cách mạng công nghiệp thời kì cận đại <i>(Tiết 1: mục 1, Tiết 2: mục 2)</i> Mục 1. Thành tựu cơ bản của Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất Mục 2. Thành tựu cơ bản của Cách mạng công nghiệp lần thứ hai Mục 3. Ý nghĩa và tác động của Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất và lần thứ hai a) Ý nghĩa đối với sự phát triển kinh tế b) Ý nghĩa về xã hội, văn hoá</p>	03	<ul style="list-style-type: none"> – Biết cách sưu tầm và sử dụng một số tư liệu để tìm hiểu về các cuộc cách mạng công nghiệp. – Nêu được thành tựu cơ bản của Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất. – Nêu được thành tựu cơ bản của Cách mạng công nghiệp lần thứ hai. – Nêu được ý nghĩa của Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất và lần thứ hai về kinh tế, xã hội, văn hóa. – Phân tích được tác động của Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất và lần thứ hai đối với xã hội, văn hoá: sự phát triển của giai cấp tư sản công nghiệp và vô sản công nghiệp, quá trình đô thị hoá; những thay đổi về lối sống, văn hoá.
17, 18,19,	<p>Bài 7. Các cuộc cách mạng công nghiệp thời kì hiện đại <i>(Tiết 1: mục 1, Tiết 2: mục 2)</i></p>	03	

	<p>Mục 1. Thành tựu cơ bản của Cách mạng công nghiệp lần thứ ba</p> <p>Mục 2. Thành tựu cơ bản của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư (Cách mạng 4.0)</p> <p>Mục 3. Ý nghĩa của Cách mạng công nghiệp lần thứ ba và lần thứ tư</p> <p>a) Ý nghĩa đối với sự phát triển kinh tế</p> <p>b) Ý nghĩa về xã hội, văn hoá</p>		<ul style="list-style-type: none"> – Nêu được những thành tựu cơ bản của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ ba. – Nêu được những thành tựu cơ bản của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. – Nêu được ý nghĩa của Cách mạng công nghiệp lần thứ ba và lần thứ tư về kinh tế, xã hội, văn hóa. – Có thái độ trân trọng những thành quả của cuộc cách mạng công nghiệp đối với sự phát triển của lịch sử. – Vận dụng những hiểu biết về tác động hai mặt của Cách mạng công nghiệp lần thứ ba và lần thứ tư để tuân thủ những quy định của pháp luật trong cách thức giao tiếp trên Internet, mạng xã hội.
20,21	Thực hành chủ đề 4	02	<ul style="list-style-type: none"> – Tổ chức các cuộc thi tìm hiểu lịch sử, các trò chơi lịch sử,... – Tổ chức các hoạt động thực hành lịch sử tại lớp học.
CHỦ ĐỀ 5. VĂN MINH ĐÔNG NAM Á (6% ≈ 3 tiết)			
22, 23, 24	<p>Bài 8. Hành trình phát triển và thành tựu của văn minh Đông Nam Á thời kì cổ - trung đại (Tiết 1: mục 1, Tiết 2: mục 2.a, b)</p> <p>Mục 1. Hành trình phát triển của văn minh Đông Nam Á</p> <p>Mục 2. Một số thành tựu tiêu biểu</p> <p>a) Tôn giáo và tín ngưỡng</p> <p>b) Chữ viết và văn học</p> <p>c) Kiến trúc và điêu khắc</p>	03	<ul style="list-style-type: none"> – Biết cách sưu tầm và sử dụng một số tư liệu để tìm hiểu về lịch sử văn minh Đông Nam Á. – Trình bày được các thời kì phát triển của văn minh Đông Nam Á. – Nêu được một số thành tựu tiêu biểu của văn minh Đông Nam Á về tôn giáo và tín ngưỡng, văn tự và văn học, kiến trúc và điêu khắc. – Biết trân trọng giá trị trường tồn của các di sản văn minh Đông Nam Á, tham gia bảo tồn các di sản văn minh Đông Nam Á nói chung và ở Việt Nam nói riêng.
25	Thực hành chủ đề 5	01	<ul style="list-style-type: none"> – Tổ chức các cuộc thi tìm hiểu lịch sử, các trò chơi lịch sử,... – Tổ chức các hoạt động thực hành lịch sử tại lớp học.
26	Ôn tập cuối kì I	01	<ul style="list-style-type: none"> – Hệ thống hóa được kiến thức đã học. – Nhận biết, thông hiểu và vận dụng được những nội dung cơ bản các chủ đề để làm bài tập trắc nghiệm và tự luận.
27	Kiểm tra cuối kì I	01	<ul style="list-style-type: none"> – Kiểm tra toàn bộ kiến thức ở kì I (từ bài 1 đến bài 8). – Đánh giá được kĩ năng, phẩm chất cần đạt của HS theo yêu cầu chương trình.
LỊCH SỬ VIỆT NAM			
CHỦ ĐỀ 6. MỘT SỐ NỀN VĂN MINH TRÊN ĐẤT NƯỚC VIỆT NAM (TRƯỚC NĂM 1858) (24% ≈ 13 tiết)			

<p>28, 29, 30, 31</p>	<p>Bài 9. Một số nền văn minh cổ trên đất nước Việt Nam (<i>Tiết 1: mục 1.a; Tiết 2: mục 1.b; Tiết 3: mục 2.a; Tiết 4: mục 2.b; Tiết 5: mục 3.a</i>)</p> <p>Mục 1. Văn minh Văn Lang – Âu Lạc a) Cơ sở hình thành b) Một số thành tựu tiêu biểu</p> <p>Mục 2. Văn minh Champa a) Cơ sở hình thành b) Một số thành tựu tiêu biểu</p> <p>Mục 3. Văn minh Phù Nam a) Cơ sở hình thành b) Một số thành tựu tiêu biểu</p>	<p>04</p>	<ul style="list-style-type: none"> – Biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu về văn minh Văn Lang – Âu Lạc. – Phân tích được cơ sở hình thành văn minh Văn Lang – Âu Lạc. – Nêu được những thành tựu tiêu biểu của văn minh Văn Lang – Âu Lạc về đời sống vật chất, đời sống tinh thần, tổ chức xã hội, Nhà nước. - Biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu về văn minh Chăm pa - Phân tích được cơ sở hình thành văn minh Champa. – Trình bày được những thành tựu tiêu biểu của văn minh Champa về đời sống vật chất, đời sống tinh thần, tổ chức xã hội, Nhà nước. - Biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu về văn minh Phù Nam – Phân tích được cơ sở hình thành văn minh Phù Nam. – Trình bày được những thành tựu tiêu biểu của văn minh Phù Nam về đời sống vật chất, đời sống tinh thần, tổ chức xã hội, Nhà nước. – Biết vận dụng hiểu biết về các nền văn minh cổ để giới thiệu về đất nước, con người Việt Nam. Nhận thức được giá trị trường tồn của các nền văn minh cổ trên đất nước Việt Nam. Có ý thức trân trọng truyền thống lao động cần cù, sáng tạo của dân tộc Việt Nam trong lịch sử. Có trách nhiệm trong việc góp phần bảo tồn các di sản văn hoá của dân tộc.
<p>32,33, 34, 35</p>	<p>Bài 10. Văn minh Đại Việt (<i>Tiết 1: mục 1.a, b; Tiết 2 & 3: mục 2; Tiết 4: mục 3.a, b; Tiết 5: mục 3.c, d; Tiết 6: mục 3.e, g, h</i>)</p> <p>Mục 1. Khái niệm và cơ sở hình thành a) Khái niệm văn minh Đại Việt b) Cơ sở hình thành</p>		<ul style="list-style-type: none"> – Giải thích được khái niệm văn minh Đại Việt. – Phân tích được cơ sở hình thành văn minh Đại Việt về kế thừa văn minh Văn Lang – Âu Lạc, đấu tranh giữ gìn văn hóa, bản sắc dân tộc trong thời kì Bắc thuộc nền độc lập tự chủ của đất nước, tiếp thu ảnh hưởng của văn hoá Trung Quốc, Ấn Độ.

	<p>Mục 2. Quá trình phát triển</p> <p>Mục 3. Những thành tựu tiêu biểu của văn minh Đại Việt</p> <p>a) Chính trị; b) Kinh tế</p>		<p>– Nêu được quá trình phát triển của văn minh Đại Việt.</p>
36	Kiểm tra đánh giá giữa học kỳ 2	01	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá kết quả học tập của HS từ bài 9 đến bài 10. - Xác định mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của HS so với yêu cầu cần đạt. - Đánh giá năng lực tìm hiểu; vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học (thông qua hệ thống câu hỏi kiểm tra). - Giáo dục ý thức trung thực, tự giác, nghiêm túc trong quá trình kiểm tra.

37,38, 39,40	<p>Bài 10. Văn minh Đại Việt</p> <p>c) Tín ngưỡng, tư tưởng, tôn giáo; d) Giáo dục và khoa cử; e) Chữ viết và văn học; g) Nghệ thuật; h) Khoa học, kỹ thuật</p> <p>Mục 4. Ý nghĩa của văn minh Đại Việt trong lịch sử dân tộc Việt Nam</p>		<ul style="list-style-type: none"> – những thành tựu của văn minh Đại Việt. – Nêu được một số thành tựu cơ bản của nền văn minh Đại Việt về kinh tế, chính trị, tư tưởng, tôn giáo, văn hoá, giáo dục, văn học, nghệ thuật. – Phân tích được ý nghĩa của nền văn minh Đại Việt trong lịch sử dân tộc Việt Nam. – Trân trọng giá trị của nền văn minh Đại Việt, vận dụng hiểu biết về văn minh Đại Việt để giới thiệu, quảng bá về đất nước, con người, di sản văn hoá Việt Nam. – Đề xuất được các giải pháp nhằm gìn giữ và phát huy những giá trị của các nền văn minh trên đất nước Việt Nam (trước 1958) trong cuộc sống hiện nay
41, 42, 43	Thực hành chủ đề 6	03	<ul style="list-style-type: none"> – Tổ chức các cuộc thi tìm hiểu lịch sử, các trò chơi lịch sử,... – Tổ chức các hoạt động thực hành lịch sử tại lớp.
CHỦ ĐỀ 7. CỘNG ĐỒNG CÁC DÂN TỘC VIỆT NAM (11% ≈ 6 tiết)			
44	<p>Bài 11. Các dân tộc trên đất nước Việt Nam</p> <p><i>Mục 1. Thành phần dân tộc theo dân số</i></p> <p><i>Mục 2. Thành phần dân tộc theo ngữ hệ</i></p>	01	<ul style="list-style-type: none"> – Nêu được thành phần dân tộc theo dân số. – Trình bày được việc phân chia tộc người theo ngữ hệ.
45, 46	<p>Bài 12. Khái quát về đời sống vật chất và tinh thần của cộng đồng các dân tộc Việt Nam</p> <p><i>(Tiết 1: mục 1; Tiết 2: mục 2)</i></p> <p>Mục 1. Đời sống vật chất</p> <p>a) Một số hoạt động kinh tế</p> <p>b) Ăn, mặc, ở</p>	02	<ul style="list-style-type: none"> – Trình bày được nét chính về đời sống vật chất của cộng đồng các dân tộc Việt Nam.

	<p>c) Đi lại, vận chuyển</p> <p>Mục 2. Đời sống tinh thần</p> <p>a) Tín ngưỡng, tôn giáo</p> <p>b) Phong tục, tập quán, lễ hội</p>		<p>– Nêu được nét chính về đời sống tinh thần của cộng đồng các dân tộc Việt Nam.</p>
47, 48, 49	<p>Bài 13. Khôi đại đoàn kết dân tộc trong lịch sử Việt Nam</p> <p><i>(Tiết 1: mục 1.a; Tiết 2: mục 2.b, c)</i></p> <p>Mục 1. Khôi đại đoàn kết dân tộc trong lịch sử Việt Nam</p> <p>a) Sự hình thành khôi đại đoàn kết dân tộc</p> <p>b) Vai trò, tầm quan trọng của khôi đại đoàn kết dân tộc trong lịch sử dựng nước và giữ nước</p> <p>c) Vai trò, tầm quan trọng của khôi đại đoàn kết dân tộc trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay</p> <p>Mục 2. Chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước hiện nay</p> <p>a) Quan điểm của Đảng và Nhà nước về chính sách dân tộc</p> <p>b) Nội dung cơ bản trong chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước</p>	03	<p>– Nêu được nét chính về sự hình thành khôi đại đoàn kết dân tộc trong lịch sử Việt Nam.</p> <p>– Nêu được vai trò, tầm quan trọng của khôi đại đoàn kết dân tộc trong lịch sử dựng nước và giữ nước.</p> <p>– Phân tích được vai trò, tầm quan trọng của khôi đại đoàn kết dân tộc trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay.</p> <p>– Nêu được quan điểm nhất quán của Đảng và Nhà nước về chính sách dân tộc bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển.</p> <p>– Nêu được nội dung cơ bản trong chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước hiện nay về phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội, quốc phòng và an ninh.</p> <p>– Có ý thức trân trọng sự bình đẳng giữa các dân tộc, có hành động cụ thể góp phần tham gia vào việc giữ gìn khôi đại đoàn kết dân tộc.</p>
50	Thực hành chủ đề 7	01	<p>– Tổ chức các cuộc thi tìm hiểu lịch sử, các trò chơi lịch sử,...</p> <p>– Tổ chức các hoạt động thực hành lịch sử tại lớp học.</p>
51	Ôn tập cuối kì II	01	<p>– Hệ thống hóa được kiến thức đã học.</p> <p>– Nhận biết, thông hiểu và vận dụng được những nội dung cơ bản các chủ đề để làm bài tập trắc nghiệm và tự luận.</p>
52	Kiểm tra cuối kì II	01	<p>– <u>Kiểm tra toàn bộ kiến thức ở kì II (từ bài 7 đến bài 13).</u></p> <p>– Đánh giá được kĩ năng, phẩm chất cần đạt của HS theo yêu cầu chương trình.</p>

Ghi chú: Giáo viên có thể linh hoạt điều chỉnh thời lượng số tiết dạy giữa các mục trong một bài và giữa các bài trong một chủ đề cho phù hợp với KHBD của mình nhưng phải đảm bảo đủ số tiết của mỗi chủ đề theo PPCT đã được thống nhất trong nhóm chuyên môn.

CHUYÊN ĐỀ HỌC TẬP LỊCH SỬ 10

Cả năm: 35 tuần (35 tiết)

Học kì I: 18 tuần (18 tiết)

Học kì II: 17 tuần (17 tiết)

Tiết PPCT	Chuyên đề	Số tiết	Yêu cầu cần đạt
HỌC KÌ I			
CHUYÊN ĐỀ ĐỊNH HƯỚNG NGHỀ NGHIỆP			
CHUYÊN ĐỀ 1. CÁC LĨNH VỰC CỦA SỬ HỌC (10 tiết)			
1, 2, 3, 4	<p>Mục I. Thông sử và Lịch sử theo lĩnh vực <i>(Tiết 1: mục 1; Tiết 2: mục 2; Tiết 3: mục 3)</i></p> <p>1. Một số cách trình bày lịch sử truyền thống</p> <ul style="list-style-type: none"> – Kể chuyện về quá khứ – Lịch sử biên niên – ... <p>2. Thông sử</p> <ol style="list-style-type: none"> a) Thông sử là gì? b) Nội dung chính của thông sử <p>3. Lịch sử theo lĩnh vực</p> <ul style="list-style-type: none"> – Khái quát về các lĩnh vực của lịch sử – Ý nghĩa của việc phân chia lịch sử theo lĩnh vực <p>4. Lịch sử dân tộc và lịch sử thế giới</p> <ol style="list-style-type: none"> a) Lịch sử dân tộc b) Lịch sử thế giới 	04	<ul style="list-style-type: none"> – Tóm tắt được một số cách trình bày lịch sử truyền thống thông qua ví dụ cụ thể. – Giải thích được khái niệm thông sử. – Nêu được nội dung chính của thông sử. – Nêu được nét khái quát về các lĩnh vực của lịch sử. – Giải thích được ý nghĩa của việc phân chia lịch sử theo lĩnh vực. – Nêu được khái niệm và nội dung chính của lịch sử dân tộc – Nêu được khái niệm và nội dung chính của lịch sử thế giới.

5, 6, 7, 8, 9,	<p>Mục II. Một số lĩnh vực của lịch sử Việt Nam (<i>Tiết 1: mục 1; Tiết 2: mục 1.b & mục 2.a; Tiết 3: mục 2.b; Tiết 4: mục 3a; Tiết 5: mục 3.b & mục 4.a</i>)</p> <p>1. Lịch sử văn hoá Việt Nam a) Đối tượng, phạm vi của lịch sử văn hoá Việt Nam b) Khái lược tiến trình lịch sử văn hoá Việt Nam</p> <p>2. Lịch sử tư tưởng Việt Nam a) Đối tượng, phạm vi của lịch sử tư tưởng Việt Nam b) Khái lược tiến trình lịch sử tư tưởng Việt Nam</p> <p>3. Lịch sử xã hội Việt Nam a) Đối tượng của lịch sử xã hội b) Khái lược về xã hội Việt Nam truyền thống và hiện đại</p> <p>4. Lịch sử kinh tế Việt Nam a) Đối tượng của lịch sử kinh tế Việt Nam b) Khái lược lịch sử kinh tế Việt Nam</p>	05	<ul style="list-style-type: none"> – Nêu được đối tượng và phạm vi của lịch sử văn hoá Việt Nam. – Tóm tắt được nét chính của lịch sử văn hoá Việt Nam trên đường thời gian. – Nêu được đối tượng và phạm vi của lịch sử tư tưởng Việt Nam. – Tóm tắt được nét chính của lịch sử tư tưởng Việt Nam trên đường thời gian. – Giải thích được đối tượng của lịch sử xã hội. – Tóm tắt được nét chính của lịch sử xã hội Việt Nam trên đường thời gian. – Giải thích được đối tượng của lịch sử kinh tế. – Tóm tắt được nét chính của lịch sử kinh tế Việt Nam trên đường thời gian.
10	Kiểm tra 1 tiết	1	
<p>CHUYÊN ĐỀ 2. BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ DI SẢN VĂN HÓA Ở VIỆT NAM (15 tiết)</p> <p>LỒNG GHÉP GIÁO DỤC HỌC SINH THÔNG QUA DI SẢN HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG DI SẢN TRONG VĂN HÓA TRONG DẠY HỌC</p>			
11, 12, 13	<p>Mục I. Di sản văn hóa (<i>Tiết 1: mục 1; Tiết 2: mục 2.a</i>)</p> <p>1. Khái niệm di sản văn hoá a) Khái niệm b) Ý nghĩa</p> <p>2. Phân loại di sản văn hoá và xếp hạng di tích lịch sử – văn hoá a) Phân loại di sản văn hoá b) Xếp hạng di sản văn hoá</p>	03	<ul style="list-style-type: none"> – Giải thích được khái niệm di sản văn hoá. – Nêu được ý nghĩa của di sản văn hoá: tài sản vô giá của cộng đồng, dân tộc, nhân loại được kế thừa từ các thế hệ trước cho các thế hệ mai sau. – Chỉ ra được một số cách phân loại, xếp hạng di sản văn hoá. – Phân tích được mục đích và ý nghĩa của việc phân loại, xếp

			hạng di sản văn hoá.
14, 15, 16	<p>Mục II. Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa <i>(Tiết 1: mục 1; Tiết 2: mục 2)</i></p> <p>1. Mối quan hệ giữa bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa</p> <p>a) Khái niệm bảo tồn di sản văn hoá b) Mối quan hệ giữa bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá</p> <p>2. Giải pháp bảo tồn và phát huy giá trị di sản</p> <p>a) Cơ sở khoa học của bảo tồn, phát huy giá trị di sản b) Giải pháp bảo tồn và phát huy giá trị di sản</p> <p>3. Vai trò và trách nhiệm của các bên liên quan</p> <p>a) Vai trò b) Trách nhiệm</p>	03	<ul style="list-style-type: none"> – Giải thích được khái niệm bảo tồn di sản văn hoá. – Phân tích được mối quan hệ giữa bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá: bảo tồn phải đặt trong bối cảnh phát triển bền vững để bảo tồn không trở thành gánh nặng và rào cản của phát triển. – Phân tích được cơ sở khoa học của công tác bảo tồn di sản văn hoá trong quá trình phát triển bền vững của đất nước. – Nêu được các giải pháp bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá: tuyên truyền giáo dục ý thức bảo tồn di sản, đầu tư cơ sở vật chất, tăng cường biện pháp bảo vệ di sản,... – Giải thích được vai trò của hệ thống chính trị, doanh nghiệp, cộng đồng dân cư và của mỗi cá nhân trong công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá. – Trình bày được trách nhiệm của Nhà nước, tổ chức xã hội, nhà trường, cộng đồng, công dân trong việc bảo tồn và phát huy giá trị di sản thông qua ví dụ cụ thể. – Có ý thức trách nhiệm và sẵn sàng đóng góp và vận động người khác cùng tham gia vào việc bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hoá ở địa phương và đất nước.
HỌC KÌ II (bắt đầu từ tiết 19)			
17,18, 19, 20, 21, 22, 23, 24	<p>Mục III. Một số di sản văn hóa tiêu biểu ở Việt Nam <i>(Tiết 1: mục 1.a; Tiết 2: mục 1.b; Tiết 3: mục 1.c; Tiết 4: mục 2.a; Tiết 5: mục 2.b; Tiết 6: mục 2.c; Tiết 7: mục 3.a; Tiết 8: mục 3.b)</i></p> <p>1. Di sản văn hoá phi vật thể</p> <p>a) Nhã nhạc cung đình Huế b) Dân ca Quan họ c) Đờn ca tài tử Nam Bộ</p>	08	<ul style="list-style-type: none"> – Xác định được vị trí phân bố các di sản lịch sử văn hoá phi vật thể tiêu biểu trên bản đồ. – Giới thiệu được nét cơ bản về một trong số di sản lịch sử văn hoá phi vật thể tiêu biểu.

25	<p>2. Di sản văn hoá vật thể</p> <p>a) Thánh địa Mỹ Sơn b) Đô thị cổ Hội An c) Khu di tích trung tâm Hoàng thành Thăng Long – Hà Nội</p> <p>3. Di sản thiên nhiên và di sản hỗn hợp</p> <p>a) Vịnh Hạ Long b) Vườn quốc gia Phong Nha – Kẻ Bàng c) Cao nguyên đá Đồng Văn d) Quần thể danh thắng Tràng An.</p> <p>Kiểm tra chuyên đề 2</p>	1	<ul style="list-style-type: none"> – Xác định được vị trí phân bố các di sản lịch sử văn hoá vật thể tiêu biểu trên bản đồ. – Giới thiệu được nét cơ bản về một trong số di sản lịch sử văn hoá vật thể tiêu biểu. – Xác định vị trí phân bố các di sản thiên nhiên và các di sản phức hợp tiêu biểu trên bản đồ. – Giới thiệu được những nét cơ bản về một trong số những di sản thiên nhiên và các di sản phức hợp tiêu biểu.
CHUYÊN ĐỀ NÂNG CAO KIẾN THỨC			
CHUYÊN ĐỀ 3. NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT VIỆT NAM TRONG LỊCH SỬ (10 tiết)			
26, 27, 28	<p>Mục I. Nhà nước và pháp luật trong lịch sử Việt Nam (trước năm 1858) <i>(Tiết 1: mục 1.a, b; Tiết 2: mục 1.c)</i></p> <p>1. Một số mô hình nhà nước quân chủ tiêu biểu</p> <p>a) Nhà nước quân chủ thời Lý – Trần b) Nhà nước quân chủ thời Lê sơ c) Nhà nước quân chủ thời Nguyễn</p> <p>2. Một số bộ luật tiêu biểu trong lịch sử Việt Nam trước năm 1858</p> <p>a) Quốc triều hình luật b) Hoàng Việt luật lệ</p>	03	<ul style="list-style-type: none"> – Suu tầm tư liệu để tìm hiểu về một số mô hình nhà nước quân chủ Việt Nam tiêu biểu: Nhà nước quân chủ thời Lý – Trần, thời Lê sơ, thời Nguyễn. – Nêu và phân tích được đặc điểm của mô hình nhà nước quân chủ Việt Nam thông qua ví dụ cụ thể: Nhà nước quân chủ thời Lý – Trần, thời Lê sơ, thời Nguyễn. – Phân tích được nét chính của hai bộ luật tiêu biểu của nhà nước quân chủ Việt Nam: Quốc triều hình luật và Hoàng Việt luật lệ.
29, 30, 31,	<p>Mục II. Nhà nước Việt Nam từ năm 1945 đến nay <i>(Tiết 1: mục 1.a, b; Tiết 2: mục 1.c, d; Tiết 3: mục 2.a, b)</i></p> <p>1. Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà (1945-1976)</p> <p>a) Bối cảnh ra đời</p>	03	<ul style="list-style-type: none"> – Phân tích được bối cảnh ra đời của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. – Nêu được ý nghĩa của việc ra đời Nhà nước Việt Nam Dân chủ

	<p>b) Ý nghĩa lịch sử</p> <p>c) Đặc điểm và tính chất</p> <p>d) Vai trò của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà</p> <p>2. Sự ra đời của Nhà nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam</p> <p>a) Bối cảnh ra đời</p> <p>b) Ý nghĩa lịch sử</p> <p>c) Vai trò của Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong quá trình đổi mới và hội nhập quốc tế</p>		<p>Cộng hoà.</p> <ul style="list-style-type: none"> – Phân tích được đặc điểm và tính chất của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. – Nêu được vai trò của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà trong quá trình kháng chiến chống giặc ngoại xâm và xây dựng đất nước thời kì 1945 – 1976. – Phân tích được bối cảnh ra đời của Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam. – Nêu được ý nghĩa lịch sử của việc ra đời Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam. – Nêu được vai trò của Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong quá trình đổi mới và hội nhập quốc tế.
<p>32, 33, 34,</p>	<p>Mục III. Một số bản hiến pháp Việt Nam từ năm 1946 đến nay <i>(Tiết 1: mục 1, Tiết 2: mục 2)</i></p> <p>1. Một số điểm chung của các bản Hiến pháp Việt Nam từ năm 1946 đến nay</p> <ul style="list-style-type: none"> – Bối cảnh ra đời của các bản Hiến pháp Việt Nam: các năm 1946, 1959, 1980, 1992 và 2013 và 2025 (sửa đổi bổ sung hiến pháp năm 2013) – Một số điểm chính của các bản Hiến pháp Việt Nam <p>2. Hiến pháp năm 1946 – bản hiến pháp đầu tiên của Việt Nam</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Một số nội dung chính b) Ý nghĩa lịch sử <p>3. Hiến pháp của thời kì đổi mới</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Hiến pháp năm 1992 b) Hiến pháp năm 2013 (sửa đổi bổ sung năm 2025) 	<p>03</p>	<ul style="list-style-type: none"> – Nêu được điểm chung về bối cảnh ra đời của các bản Hiến pháp ở Việt Nam từ năm 1946 đến nay (1946, 1959, 1980, 1992 và 2013 và 2025 (sửa đổi bổ sung hiến pháp năm 2013)): những thay đổi quan trọng về chính trị, kinh tế, xã hội, văn hoá, gắn với một giai đoạn phát triển của lịch sử dân tộc. – Phân tích được một số điểm chính của các bản Hiến pháp Việt Nam: cơ sở pháp lí để xây dựng hệ thống pháp luật, tổ chức hoạt động của bộ máy Nhà nước,... – Nêu được một số nội dung chính của Hiến pháp năm 1946: ghi nhận thành quả của Cách mạng tháng Tám 1945, quyền bình đẳng và nghĩa vụ công dân, cơ cấu hệ thống chính trị,... – Phân tích được ý nghĩa của Hiến pháp năm 1946 – Hiến pháp đầu tiên trong lịch sử Việt Nam. – Nêu được một số nét chính của Hiến pháp năm 1992: ban hành trong những năm đầu của công cuộc Đổi mới, là cơ sở chính trị – pháp lí quan trọng để thực hiện công cuộc Đổi mới,... – Phân tích được điểm mới của Hiến pháp năm 2013 (sửa đổi bổ

35	Kiểm tra chuyên đề 3	01	<p>sung năm 2025): sự tiến bộ về tư tưởng dân chủ, cơ cấu Nhà nước, kỹ thuật lập hiến,...</p> <ul style="list-style-type: none"> – Nêu được những sửa đổi bổ sung hiến pháp năm 2013 (sửa đổi bổ sung năm 2025) Giải thích được ý nghĩa những nội dung sửa đổi, bổ sung hiến pháp năm 2013 đối với công cuộc đổi mới, đưa đất nước vào kỷ nguyên vươn mình. – Có ý thức trân trọng lịch sử lập hiến của dân tộc, có trách nhiệm và sẵn sàng vận động người khác cùng tuân thủ pháp luật.
----	----------------------	----	---

Ghi chú: Giáo viên có thể linh hoạt điều chỉnh thời lượng số tiết dạy trong một mục và giữa các mục của một chuyên đề cho phù hợp với KHBD của mình nhưng phải đảm bảo đủ số tiết của mỗi chuyên đề theo PPCT đã được thống nhất trong nhóm chuyên môn.

LỊCH SỬ 11

Cả năm: 35 tuần (52 tiết)

Học kì I: 18 tuần (27 tiết)

Học kì II: 17 tuần (25 tiết)

Tiết PPCT	Bài học	Số tiết	Yêu cầu cần đạt
HỌC KÌ I			
LỊCH SỬ THẾ GIỚI			
CHỦ ĐỀ 1: CÁCH MẠNG TƯ SẢN VÀ SỰ PHÁT TRIỂN CỦA CHỦ NGHĨA TƯ BẢN (12% ≈ 6 tiết)			
1, 2, 3	<p>Bài 1. Một số vấn đề chung về cách mạng tư sản <i>(Tiết 1: mục 1.a, b; Tiết 2: mục 1.c, d)</i></p> <p>Mục 1. Tiền đề của các cuộc cách mạng tư sản</p> <ol style="list-style-type: none"> Kinh tế Chính trị Xã hội Tư tưởng <p>Mục 2. Mục tiêu, nhiệm vụ, giai cấp lãnh đạo, động lực của các cuộc cách mạng tư sản</p> <ol style="list-style-type: none"> Mục tiêu, nhiệm vụ Giai cấp lãnh đạo và động lực của các cuộc 	03	<ul style="list-style-type: none"> – Trình bày được tiền đề của các cuộc cách mạng tư sản về kinh tế, chính trị, xã hội, tư tưởng. – Phân tích được mục tiêu, nhiệm vụ, giai cấp lãnh đạo, động lực của các cuộc cách mạng tư sản.

	cách mạng tư sản Mục 3. Kết quả và ý nghĩa của các cuộc cách mạng tư sản		– Trình bày được kết quả, ý nghĩa của các cuộc cách mạng tư sản.
4, 5, 6	Bài 2. Sự xác lập và phát triển của chủ nghĩa tư bản <i>(Tiết 1: mục 1, mục 2.a; Tiết 2: mục 2.b, c)</i> Mục 1. Sự xác lập chủ nghĩa tư bản ở châu Âu và Bắc Mỹ Mục 2. Sự phát triển của chủ nghĩa tư bản a) Chủ nghĩa đế quốc và quá trình mở rộng xâm lược thuộc địa b) Sự mở rộng và phát triển của chủ nghĩa tư bản c) Chủ nghĩa tư bản từ tự do cạnh tranh sang độc quyền Mục 3. Chủ nghĩa tư bản hiện đại a) Khái niệm chủ nghĩa tư bản hiện đại b) Tiềm năng và thách thức của chủ nghĩa tư bản hiện đại	03	– Trình bày được sự xác lập của chủ nghĩa tư bản ở châu Âu và Bắc Mỹ. – Trình bày được quá trình mở rộng xâm lược thuộc địa và phát triển của chủ nghĩa tư bản. – Trình bày được sự phát triển của chủ nghĩa tư bản từ tự do cạnh tranh sang độc quyền. – Nêu được khái niệm chủ nghĩa tư bản hiện đại. – Nêu được tiềm năng và thách thức của chủ nghĩa tư bản hiện đại. – Có nhận thức đúng đắn về tiềm năng và những hạn chế của chủ nghĩa tư bản. Vận dụng được những hiểu biết về lịch sử chủ nghĩa tư bản để giải thích những vấn đề thời sự của xã hội tư bản hiện nay.
7, 8	Thực hành chủ đề 1	02	– Tổ chức các cuộc thi tìm hiểu lịch sử, các trò chơi lịch sử,... – Tổ chức các hoạt động thực hành lịch sử tại lớp học.
9	Kiểm tra đánh giá giữa học kì I	01	- Đánh giá kết quả học tập của HS từ bài 1 đến bài 2. - Xác định mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của HS so với yêu cầu cần đạt. - Đánh giá năng lực tìm hiểu; vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học (thông qua hệ thống câu hỏi kiểm tra). - Giáo dục ý thức trung thực, tự giác, nghiêm túc trong quá trình kiểm tra.
CHỦ ĐỀ 2: CHỦ NGHĨA XÃ HỘI TỪ NĂM 1917 ĐẾN NAY (10% ≈ 5 tiết)			
10	Bài 3. Sự hình thành Liên bang Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xô viết <i>(Tiết 1: mục 1)</i>	01	

	<p><i>Mục 1. Quá trình hình thành Liên bang Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xô viết</i></p> <p><i>Mục 2. Ý nghĩa của sự ra đời Liên bang Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xô viết</i></p>		<ul style="list-style-type: none"> – Trình bày được quá trình hình thành Liên bang Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xô viết. – Phân tích được ý nghĩa sự ra đời của Liên bang Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xô viết.
11, 12, 13	<p>Bài 4. Sự phát triển của chủ nghĩa xã hội sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến nay <i>(Tiết 1: mục 1; Tiết 2: mục 2)</i></p> <p>Mục 1. Sự phát triển của chủ nghĩa xã hội sau Chiến tranh thế giới thứ hai</p> <p>a) Sự phát triển của chủ nghĩa xã hội ở Đông Âu</p> <p>b) Sự mở rộng chủ nghĩa xã hội ở châu Á và khu vực Mỹ Latinh</p> <p>Mục 2. Nguyên nhân khủng hoảng, sụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở Đông Âu và Liên Xô</p> <p>Mục 3. Chủ nghĩa xã hội từ năm 1991 đến nay</p> <p>a) Khái quát về chủ nghĩa xã hội từ năm 1991 đến nay</p> <p>b) Thành tựu chính của công cuộc cải cách – mở cửa ở Trung Quốc</p>	03	<ul style="list-style-type: none"> – Trình bày được sự phát triển của chủ nghĩa xã hội ở các nước Đông Âu sau Chiến tranh thế giới thứ hai. – Nêu được sự mở rộng của chủ nghĩa xã hội ở khu vực châu Á, khu vực Mỹ Latinh. – Giải thích được nguyên nhân dẫn tới sự sụp đổ mô hình chủ nghĩa xã hội ở Đông Âu và Liên Xô. – Nêu được nét chính về chủ nghĩa xã hội từ năm 1991 đến nay. – Nêu được những thành tựu chính và ý nghĩa của công cuộc cải cách – mở cửa ở Trung Quốc. – Có ý thức trân trọng những thành tựu, giá trị của chủ nghĩa xã hội, sẵn sàng tham gia đóng góp vào công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.
14	Thực hành chủ đề 2	01	<ul style="list-style-type: none"> – Tổ chức các cuộc thi tìm hiểu lịch sử, các trò chơi lịch sử,... – Tổ chức các hoạt động thực hành lịch sử tại lớp học.
LỊCH SỬ ĐÔNG NAM Á			
CHỦ ĐỀ 3: QUÁ TRÌNH GIÀNH ĐỘC LẬP DÂN TỘC CỦA CÁC QUỐC GIA ĐÔNG NAM Á (8% ≈ 4 tiết)			
15, 16,	<p>Bài 5. Quá trình xâm lược và cai trị của chủ nghĩa thực dân ở Đông Nam Á <i>(Tiết 1: mục 1)</i></p> <p>Mục 1. Quá trình xâm lược và cai trị của chủ nghĩa thực dân phương Tây ở Đông Nam Á</p> <p>a) Quá trình xâm lược</p> <ul style="list-style-type: none"> – Đối với Đông Nam Á hải đảo – Đối với Đông Nam Á lục địa <p>b) Chính sách cai trị</p>	02	<ul style="list-style-type: none"> – Trình bày được quá trình các nước thực dân phương Tây xâm lược và thiết lập nền thống trị ở Đông Nam Á (Đông Nam Á hải đảo và Đông Nam Á lục địa).

	<p>Mục 2. Công cuộc cải cách ở Xiêm</p> <ul style="list-style-type: none"> – Công cuộc cải cách ở Xiêm – Ý nghĩa của công cuộc cải cách ở Xiêm 		<ul style="list-style-type: none"> – Trình bày được công cuộc cải cách ở Xiêm. – Giải thích được vì sao Xiêm là nước duy nhất ở Đông Nam Á không trở thành thuộc địa của thực dân phương Tây.
17,18,19	<p>Bài 6. Hành trình đi đến độc lập dân tộc ở Đông Nam Á <i>(Tiết 1: mục 1 & mục 2)</i></p> <p>Mục 1. Phong trào đấu tranh chống thực dân xâm lược ở Đông Nam Á</p> <ol style="list-style-type: none"> Đông Nam Á hải đảo Đông Nam Á lục địa <p>Mục 2. Các giai đoạn phát triển của cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc ở Đông Nam Á</p> <ul style="list-style-type: none"> – Cuối thế kỉ XIX đến năm 1920 – Từ năm 1920 đến năm 1945 – Từ năm 1945 đến năm 1975 <p>Mục 3. Thời kì tái thiết và phát triển sau khi giành được độc lập</p> <ol style="list-style-type: none"> Những ảnh hưởng của chế độ thực dân Quá trình tái thiết và phát triển 	03	<ul style="list-style-type: none"> – Tóm tắt được nét chính về cuộc đấu tranh chống thực dân xâm lược ở một số nước Đông Nam Á hải đảo (In-đô-nê-xi-a và Phi-líp-pin) và Đông Nam Á lục địa (Miến Điện, ba nước Đông Dương). – Nêu được các giai đoạn phát triển của cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc ở Đông Nam Á. – Nêu được những ảnh hưởng của chế độ thực dân đối với các thuộc địa. Liên hệ với thực tế ở Việt Nam. – Tóm tắt được nét chính về quá trình tái thiết và phát triển ở Đông Nam Á. – Có ý thức trân trọng những thành quả đấu tranh giành độc lập và phát triển của các dân tộc ở Đông Nam Á hiện nay.
20	Thực hành chủ đề 3	01	<ul style="list-style-type: none"> – Tổ chức các cuộc thi tìm hiểu lịch sử, các trò chơi lịch sử,... – Tổ chức các hoạt động thực hành lịch sử tại lớp học.
LỊCH SỬ VIỆT NAM			
CHỦ ĐỀ 4. CHIẾN TRANH BẢO VỆ TỔ QUỐC VÀ CHIẾN TRANH GIẢI PHÓNG DÂN TỘC TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM (TRƯỚC CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945) (17% ≈ 9 tiết)			
21, 22, 23, 24, 25	<p>Bài 7. Chiến tranh bảo vệ tổ quốc trong lịch sử Việt Nam <i>(Tiết 1: mục 1; Tiết 2: mục 2)</i></p> <p>Mục 1. Khái quát về chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trong lịch sử Việt Nam</p> <ol style="list-style-type: none"> Vị trí chiến lược của Việt Nam 	05	<ul style="list-style-type: none"> – Nêu được vị trí địa chiến lược của Việt Nam. – Phân tích được vai trò, ý nghĩa của chiến tranh bảo vệ Tổ quốc

	<p>b) Vai trò, ý nghĩa của chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trong lịch sử Việt Nam</p> <p>Mục 2. Khái quát về các cuộc kháng chiến thắng lợi</p> <p>a) Một số cuộc kháng chiến thắng lợi</p> <ul style="list-style-type: none"> – Cuộc kháng chiến chống quân Nam Hán và chiến thắng Bạch Đằng năm 938 – Cuộc kháng chiến chống Tống năm 981 và những năm 1075 – 1077 – Ba lần kháng chiến chống quân Mông – Nguyên – Kháng chiến chống quân Xiêm những năm 1784 – 1785 – Kháng chiến chống quân Thanh năm 1789 <p>b) Nguyên nhân thắng lợi</p> <p>Mục 3. Một số cuộc kháng chiến không thành công</p> <p>a) Khái quát về một số cuộc kháng chiến không thành công</p> <ul style="list-style-type: none"> – Kháng chiến chống quân Triệu – Kháng chiến chống Minh – Kháng chiến chống thực dân Pháp nửa sau thế kỉ XIX <p>b) Nguyên nhân không thành công</p>		<p>trong lịch sử Việt Nam.</p> <ul style="list-style-type: none"> – Biết trân trọng truyền thống đấu tranh bảo vệ Tổ quốc của các thế hệ Việt Nam trong lịch sử, tham gia vào công tác đền ơn đáp nghĩa ở địa phương. – Biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu về các cuộc kháng chiến thắng lợi tiêu biểu của dân tộc Việt Nam. – Trình bày được nội dung chính của các cuộc kháng chiến thắng lợi tiêu biểu của dân tộc Việt Nam về thời gian, địa điểm, đối tượng xâm lược, những trận đánh lớn, kết quả. – Giải thích được nguyên nhân chính dẫn đến thắng lợi của các cuộc kháng chiến chống xâm lược. – Trình bày được nội dung chính của các cuộc kháng chiến không thành công về thời gian, địa điểm, đối tượng xâm lược, những trận đánh lớn, kết quả. – Giải thích được nguyên nhân không thành công của một số cuộc kháng chiến trong lịch sử. – Vận dụng kiến thức đã học, rút ra được những bài học lịch sử cơ bản từ lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc Việt Nam, nhận thức được giá trị của các bài học lịch sử đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay. – Có ý thức trân trọng, tự hào về truyền thống đấu tranh bảo vệ, xây dựng đất nước của dân tộc Việt Nam và sẵn sàng tham gia đóng góp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc.
26	Ôn tập		

27	KIỂM TRA HẾT HỌC KỲ 1	01	<p>– Kiểm tra toàn bộ kiến thức ở kì I (từ bài 1 đến bài 8). Đánh giá được kĩ năng, phẩm chất cần đạt của HS theo yêu cầu chương trình.</p>
HỌC KỲ 2			
28, 29, 30, 31	<p>Bài 8. Một số cuộc khởi nghĩa và chiến tranh giải phóng trong lịch sử Việt Nam (từ thế kỉ III TCN đến cuối thế kỉ XIX) <i>(Tiết 1, 2: mục 1; Tiết 3: mục 2; Tiết 4 & tiết 5: mục 3)</i> Mục 1. Một số cuộc khởi nghĩa tiêu biểu trong thời kì Bắc thuộc – Khởi nghĩa Hai Bà Trưng – Khởi nghĩa Bà Triệu – Khởi nghĩa Lý Bí – Khởi nghĩa Phùng Hưng Mục 2. Khởi nghĩa Lam Sơn a) Bối cảnh lịch sử b) Diễn biến chính c) Ý nghĩa lịch sử Mục 3. Phong trào Tây Sơn a) Bối cảnh lịch sử b) Diễn biến chính c) Ý nghĩa lịch sử Mục 4. Bài học lịch sử của các cuộc khởi nghĩa và chiến tranh giải phóng trong lịch sử Việt Nam – Về quá trình tập hợp lực lượng – Về vai trò của khối đại đoàn kết dân tộc – Về nghệ thuật quân sự – Bài học lịch sử đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay</p>	04	<ul style="list-style-type: none"> – Trình bày được nội dung chính của các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu trong thời kì Bắc thuộc. – Nêu được ý nghĩa của một số cuộc khởi nghĩa tiêu biểu. – Nêu được bối cảnh lịch sử của khởi nghĩa Lam Sơn. – Trình bày được diễn biến chính của khởi nghĩa Lam Sơn. – Nêu được ý nghĩa của khởi nghĩa Lam Sơn. – Biết cách sưu tầm và sử dụng tài liệu lịch sử về phong trào Tây Sơn. – Trình bày được bối cảnh lịch sử và những diễn biến chính của phong trào Tây Sơn. – Nêu ý nghĩa của phong trào Tây Sơn. – Rút ra được những bài học lịch sử chính của các cuộc khởi nghĩa và chiến tranh giải phóng trong lịch sử Việt Nam về quá trình vận động, tập hợp quần chúng nhân dân tham gia, vai trò của khối đại đoàn kết dân tộc, nghệ thuật quân sự. – Nêu được các bài học lịch sử đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay. – Tự hào về truyền thống đấu tranh bất khuất của dân tộc Việt Nam trong lịch sử, sẵn sàng tham gia đóng góp vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.
32, 33	Thực hành chủ đề 4	02	<ul style="list-style-type: none"> – Tổ chức các cuộc thi tìm hiểu lịch sử, các trò chơi lịch sử,... – Tổ chức các hoạt động thực hành lịch sử tại lớp học.

CHỦ ĐỀ 5. MỘT SỐ CUỘC CẢI CÁCH LỚN TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM (TRƯỚC NĂM 1858) (11% ≈ 6 tiết)			
34,35	Bài 9. Cuộc cải cách của Hồ Quý Ly và triều Hồ <i>Mục 1. Bối cảnh lịch sử</i> <i>Mục 2. Nội dung cải cách</i> <i>Mục 3. Kết quả và ý nghĩa</i>	02	– Trình bày được bối cảnh lịch sử, nội dung, kết quả và ý nghĩa cuộc cải cách của nhà Hồ.
36	Kiểm tra đánh giá giữa học kì II	01	- Đánh giá kết quả học tập của HS từ bài 8 đến bài 9. - Xác định mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của HS so với yêu cầu cần đạt. - Đánh giá năng lực tìm hiểu; vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học (thông qua hệ thống câu hỏi kiểm tra). - Giáo dục ý thức trung thực, tự giác, nghiêm túc trong quá trình kiểm tra.
37,38	Bài 10. Cuộc cải cách của Lê Thánh Tông (thế kỉ XV) <i>(Tiết 1: mục 1)</i> <i>Mục 1. Bối cảnh lịch sử</i> <i>Mục 2. Nội dung cải cách</i> <i>Mục 3. Kết quả và ý nghĩa</i>	02	– Trình bày được bối cảnh lịch sử, nội dung, kết quả và ý nghĩa cuộc cải cách của Lê Thánh Tông.
39,40	Bài 11. Cuộc cải cách của Minh Mạng (nửa đầu thế kỉ XIX) <i>(Tiết 1: mục 1)</i> <i>Mục 1. Bối cảnh lịch sử</i> <i>Mục 2. Nội dung cải cách</i> <i>Mục 3. Kết quả và ý nghĩa</i>	02	– Trình bày được bối cảnh lịch sử, nội dung, kết quả và ý nghĩa cuộc cải cách của Minh Mạng. – Có ý thức trân trọng giá trị của các cuộc cải cách trong lịch sử dân tộc.
41, 42	Thực hành chủ đề 5	02	– Tổ chức các cuộc thi tìm hiểu lịch sử, các trò chơi lịch sử,... – Tổ chức các hoạt động thực hành lịch sử tại lớp học.
CHỦ ĐỀ 6. LỊCH SỬ BẢO VỆ CHỦ QUYỀN, CÁC QUYỀN VÀ LỢI ÍCH HỢP PHÁP CỦA VIỆT NAM Ở BIỂN ĐÔNG LÒNG GHÉP GIÁO DỤC CHỦ QUYỀN QUỐC GIA VỀ BIÊN GIỚI, BIÊN ĐẢO, QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH (12% ≈ 6 tiết)			
43, 44,45	Bài 12. Vị trí và tầm quan trọng của Biển Đông <i>(Tiết 1: mục 1 & mục 2)</i> <i>Mục 1. Vị trí của Biển Đông</i>	03	– Xác định được vị trí của Biển Đông trên bản đồ.

	<p>Mục 2. Tầm quan trọng chiến lược của Biển Đông</p> <p>a) Tuyến đường giao thông biển huyết mạch b) Địa bàn chiến lược quan trọng ở khu vực châu Á – Thái Bình Dương c) Nguồn tài nguyên thiên nhiên biển</p> <p>Mục 3. Tầm quan trọng của các đảo và quần đảo trên Biển Đông</p> <p>a) Vị trí của quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa b) Tầm quan trọng chiến lược của quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa</p>		<ul style="list-style-type: none"> – Giải thích được tầm quan trọng chiến lược của Biển Đông về giao thông biển, vị trí chiến lược, nguồn tài nguyên thiên nhiên biển. – Xác định được vị trí của các đảo và quần đảo ở Biển Đông trên bản đồ. – Giải thích được tầm quan trọng của các đảo và quần đảo ở Biển Đông.
46, 47, 48,	<p>Bài 13. Việt Nam và Biển Đông <i>(Tiết 1: mục 1; Tiết 2: mục 2.a; Tiết 3: mục 2.b)</i></p> <p>Mục 1. Tầm quan trọng của Biển Đông đối với Việt Nam</p> <p>a) Về quốc phòng, an ninh b) Về phát triển các ngành kinh tế trọng điểm</p> <p>Mục 2. Lịch sử bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa</p> <p>a) Quá trình Việt Nam xác lập chủ quyền và quản lý đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa b) Cuộc đấu tranh bảo vệ và thực thi chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông</p> <p>Mục 3. Chủ trương của Việt Nam giải quyết các tranh chấp ở Biển Đông bằng biện pháp hoà bình</p> <ul style="list-style-type: none"> – Ban hành văn bản pháp luật khẳng định chủ quyền – Tham gia Công ước Luật biển năm 1982 của Liên hợp quốc (UNCLOS) – Thông qua Luật Biển Việt Nam năm 2012 – Thúc đẩy và thực hiện đầy đủ Tuyên bố về ứng xử của các bên ở Biển Đông (DOC) 	03	<ul style="list-style-type: none"> – Nêu được tầm quan trọng chiến lược của Biển Đông đối với Việt Nam về quốc phòng, an ninh, về phát triển các ngành kinh tế trọng điểm. – Nêu được Việt Nam là Nhà nước đầu tiên xác lập chủ quyền và quản lý liên tục đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa trong lịch sử. – Trình bày được nét chính về cuộc đấu tranh bảo vệ và thực thi chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông. – Nêu được chủ trương của Việt Nam giải quyết các tranh chấp ở Biển Đông bằng biện pháp hoà bình. – Trân trọng những thành quả đấu tranh bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông trong lịch sử, sẵn sàng tham gia đóng góp vào cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà nước Việt Nam.

49,50	Thực hành chủ đề 6	02	<ul style="list-style-type: none"> – Tổ chức các cuộc thi tìm hiểu lịch sử, các trò chơi lịch sử,... – Tổ chức các hoạt động thực hành lịch sử tại lớp học.
51	Ôn tập cuối kì II	01	<ul style="list-style-type: none"> – Hệ thống hóa được kiến thức đã học. – Nhận biết, thông hiểu và vận dụng được những nội dung cơ bản các chủ đề để làm bài tập trắc nghiệm và tự luận.
52	Kiểm tra cuối kì II	01	<ul style="list-style-type: none"> – <u>Kiểm tra toàn bộ kiến thức ở kì II (từ bài 9 đến bài 13).</u> – Đánh giá được kỹ năng, phẩm chất cần đạt của HS theo yêu cầu chương trình.

Ghi chú: Giáo viên có thể linh hoạt điều chỉnh thời lượng số tiết dạy giữa các mục trong một bài và giữa các bài trong một chủ đề cho phù hợp với KHBD của mình nhưng phải đảm bảo đủ số tiết của mỗi chủ đề theo PPCT đã được thống nhất trong nhóm chuyên môn.

CHUYÊN ĐỀ HỌC TẬP LỊCH SỬ 11

Cả năm: 35 tuần (35 tiết)

Học kì I: 18 tuần (18 tiết)

Học kì II: 17 tuần (17 tiết)

Tiết PPCT	Chuyên đề	Số tiết	Yêu cầu cần đạt
HỌC KÌ I			
CHUYÊN ĐỀ HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM THỰC TẾ			
CHUYÊN ĐỀ 1. LỊCH SỬ NGHỆ THUẬT TRUYỀN THỐNG VIỆT NAM (15 tiết)			
1, 2, 3, 4	Mục I. Nghệ thuật thời Lý, thời Trần <i>(Tiết 1: mục 1.a; Tiết 2: mục 1.b; Tiết 3: mục 2.a)</i> 1. Nghệ thuật thời Lý a) Kiến trúc b) Điêu khắc 2. Nghệ thuật thời Trần a) Kiến trúc b) Điêu khắc	04	<ul style="list-style-type: none"> – Nêu được những nét cơ bản của nghệ thuật thời Lý về kiến trúc, điêu khắc thông qua hoạt động trải nghiệm thực tế hoặc sưu tầm tranh ảnh, tài liệu,... – Nêu được những thành tựu nghệ thuật chính thời Trần về kiến trúc và điêu khắc thông qua hoạt động trải nghiệm thực tế hoặc sưu tầm tranh ảnh, tài liệu,...
5, 6, 7	Mục II. Nghệ thuật thời Lê sơ và thời Mạc <i>(Tiết 1: mục 1.a; Tiết 2: mục 1.b)</i> 1. Nghệ thuật thời Lê sơ a) Kiến trúc	03	<ul style="list-style-type: none"> – Nêu được những thành tựu nghệ thuật chính thời Lê sơ về kiến

	b) Điều khắc 2. Nghệ thuật thời Mạc a) Kiến trúc b) Điều khắc		trúc và điêu khắc thông qua hoạt động trải nghiệm thực tế hoặc sưu tầm tranh ảnh, tài liệu,... – Liệt kê được những thành tựu nghệ thuật chính thời Mạc. – Nêu được những điểm chính của nghệ thuật kiến trúc thời Mạc.
8, 9, 10,	Mục III. Nghệ thuật thời Lê trung hưng <i>(Tiết 1, 2: mục 1; Tiết 3: mục 2,)</i> 1. Kiến trúc 2. Điêu khắc 3. Mỹ thuật	03	– Nêu được những thành tựu nghệ thuật chính thời Lê trung hưng về kiến trúc và điêu khắc, mỹ thuật thông qua hoạt động trải nghiệm thực tế hoặc sưu tầm tranh ảnh, tài liệu,... – Phân tích được những điểm mới về nghệ thuật thời Lê trung hưng.
11,12	Mục IV. Nghệ thuật thời Nguyễn <i>(Tiết 1: mục 1; Tiết 2: mục 2; Tiết 3: mục 3)</i> 1. Kiến trúc 2. Điêu khắc 3. Mỹ thuật 4. Âm nhạc	03	– Mô tả được những nét cơ bản về nghệ thuật thời Nguyễn về kiến trúc, điêu khắc, mỹ thuật, âm nhạc thông qua hoạt động trải nghiệm thực tế hoặc sưu tầm tranh ảnh, tài liệu,... – Nêu được điểm mới của nghệ thuật thời Nguyễn.
13	Kiểm tra chuyên đề 1	01	
CHUYÊN ĐỀ NÂNG CAO KIẾN THỨC			
CHUYÊN ĐỀ 2. CHIẾN TRANH VÀ HOÀ BÌNH TRONG THẾ KỶ XX (10 tiết)			
14., 15, 16,	Mục I. Chiến tranh và hoà bình trong thế kỉ XX <i>(Tiết 1: mục 1; Tiết 2: mục 2; Tiết 3: mục 3.a, b)</i> 1. Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914-1918) a) Nguyên nhân b) Hậu quả và tác động 2. Chiến tranh thế giới thứ hai (1939-1945) a) Nguyên nhân b) Hậu quả và tác động 3. Cuộc đấu tranh vì hoà bình giữa hai cuộc chiến tranh thế giới a) Chính sách ngoại giao hoà bình của Liên Xô	03	– Giải thích được nguyên nhân cơ bản dẫn đến hai cuộc chiến tranh thế giới. – Đánh giá được những hậu quả và tác động của hai cuộc chiến tranh thế giới. – Phân tích được khát vọng hoà bình và cuộc đấu tranh vì hoà bình của nhân dân thế giới thông qua ví dụ cụ thể: Sắc lệnh hoà

	<ul style="list-style-type: none"> – Sắc lệnh Hoà bình của Lê-nin năm 1917 – Chính sách ngoại giao hoà bình của Liên Xô <i>b) Hệ thống an ninh tập thể ở châu Âu trong thời gian giữa hai cuộc chiến tranh thế giới</i> <i>c) Phong trào Mặt trận Nhân dân chống phát xít và nguy cơ chiến tranh</i> <i>d) Phong trào kháng chiến chống phát xít trong Chiến tranh thế giới thứ hai</i> – Phong trào chống phát xít ở châu Âu, châu Á, châu Phi – Cuộc chiến tranh vệ quốc vĩ đại của nhân dân Liên Xô 		<p>bình của Lê-nin năm 1917, chính sách ngoại giao hoà bình của Liên Xô; Những nỗ lực xây dựng hệ thống an ninh tập thể ở châu Âu; Phong trào Mặt trận nhân dân chống phát xít và nguy cơ chiến tranh,...</p> <ul style="list-style-type: none"> – Nêu được ý nghĩa của phong trào kháng chiến chống phát xít vì hoà bình của nhân dân thế giới trong Chiến tranh thế giới thứ hai. – Phân tích được ý nghĩa của cuộc chiến tranh vệ quốc vĩ đại của nhân dân Liên Xô.
HỌC KÌ II (bắt đầu từ tiết 18)			
17,18	<p>Mục II. Chiến tranh lạnh (1947-1989) <i>(Tiết 1: mục 1.a, b)</i></p> <p>1. Nguyên nhân, đặc điểm</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Nguyên nhân b) Đặc điểm c) Hậu quả d) Chiến tranh lạnh kết thúc 	02	<ul style="list-style-type: none"> – Nêu được nét chính về nguyên nhân, đặc điểm của Chiến tranh lạnh. – Đánh giá được những hậu quả của cuộc Chiến tranh lạnh đối với thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng. – Phân tích được nguyên nhân kết thúc Chiến tranh lạnh và tác động đối với thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng.
19, 20,	<p>Mục III. Chiến tranh, xung đột quân sự sau Chiến tranh lạnh <i>(Tiết 1: mục 1)</i></p> <ul style="list-style-type: none"> 1. Các cuộc nội chiến, xung đột quân sự khu vực 2. Cuộc tấn công khủng bố ngày 11-9-2001 và cuộc chiến chống khủng bố toàn cầu của Mỹ 	02	<ul style="list-style-type: none"> – Giải thích được vì sao sau Chiến tranh lạnh, các cuộc chiến tranh, xung đột vẫn tiếp diễn thông qua ví dụ cụ thể: sự kiện ngày 11 tháng 9 năm 2001, cuộc chiến chống khủng bố toàn cầu của Mỹ, chiến tranh I-rắc, Áp-ga-ni-xtan, các cuộc chiến tranh ở khu vực Trung Đông,...
21,22	<p>Mục IV. Cuộc đấu tranh vì hoà bình của nhân dân thế giới trong và sau Chiến tranh lạnh <i>(Tiết 1: mục 1)</i></p> <p>1. Đấu tranh vì hoà bình của nhân dân thế giới trong Chiến tranh lạnh</p>	02	<ul style="list-style-type: none"> – Sưu tầm tư liệu để tìm hiểu về cuộc đấu tranh vì hoà bình của nhân dân thế giới trong Chiến tranh lạnh: Đại hội hoà bình thế

23	<p>a) Đấu tranh chống chạy đua vũ trang vì hoà bình của nhân dân thế giới trong Chiến tranh lạnh</p> <p>b) Phong trào quốc tế ủng hộ cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam</p> <p>2. <i>Đấu tranh vì hoà bình của nhân dân thế giới sau Chiến tranh lạnh</i></p> <p>KIỂM TRA CHUYÊN ĐỀ 3</p>		<p>giới ngày 26 tháng 4 năm 1949 (Pa-ri), sự thành lập Hội đồng Hoà bình thế giới và các hoạt động chính.</p> <ul style="list-style-type: none"> – Nêu được nét chính về phong trào quốc tế ủng hộ cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, ủng hộ cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam thông qua ví dụ cụ thể. – Giải thích được vì sao cuộc đấu tranh vì hoà bình của nhân dân thế giới vẫn tiếp diễn sau khi Chiến tranh lạnh kết thúc. – Có ý thức trân trọng và góp phần tham gia vào cuộc đấu tranh vì hoà bình của nhân dân thế giới.
CHỦ ĐỀ 3. DANH NHÂN TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM (10 tiết)			
24,25	<p>Mục I. Khái quát về danh nhân trong lịch sử dân tộc <i>(Tiết 1: mục 1)</i></p> <ol style="list-style-type: none"> 1. <i>Khái niệm danh nhân</i> 2. <i>Vai trò của danh nhân trong lịch sử dân tộc</i> 	02	<ul style="list-style-type: none"> – Giải thích được khái niệm danh nhân. – Nêu được nét chính về vai trò của danh nhân trong lịch sử dân tộc.
26,27	<p>Mục II. Một số nhà chính trị nổi tiếng của Việt Nam thời cổ - trung đại <i>(Tiết 1: mục 1)</i></p> <ol style="list-style-type: none"> 1. <i>Đình Bộ Lĩnh</i> 2. <i>Lê Thánh Tông</i> 	02	<ul style="list-style-type: none"> – Biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử để hiểu được thân thế, sự nghiệp của một số nhà chính trị nổi tiếng trong lịch sử Việt Nam thời cổ - trung đại. – Nêu được nhận xét về những đóng góp chính của các nhà chính trị nổi tiếng trong lịch sử Việt Nam thời cổ - trung đại. – Có ý thức trân trọng những đóng góp của các nhà chính trị nổi tiếng trong lịch sử dân tộc.
38,29	<p>Mục III. Một số danh nhân quân sự Việt Nam <i>(Tiết 1: mục 1)</i></p> <ol style="list-style-type: none"> 1. <i>Trần Quốc Tuấn</i> 2. <i>Võ Nguyên Giáp</i> 	02	<ul style="list-style-type: none"> – Biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử để hiểu được thân thế, sự nghiệp của một số danh nhân quân sự trong lịch sử Việt Nam. – Đánh giá được vai trò của danh nhân quân sự trong lịch sử Việt Nam. – Có ý thức trân trọng những đóng góp của danh nhân quân sự trong lịch sử dân tộc.

30,31	Mục IV. Một số danh nhân văn hoá Việt Nam <i>(Tiết 1: mục 1)</i> 1. Nguyễn Trãi 2. Nguyễn Du	02	<ul style="list-style-type: none"> – Biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử để hiểu về một số danh nhân văn hoá trong lịch sử Việt Nam. – Nêu được nhận xét về đóng góp chính của danh nhân văn hoá trong lịch sử Việt Nam thông qua ví dụ cụ thể. – Có ý thức trân trọng những đóng góp của danh nhân văn hoá trong lịch sử dân tộc.
32,33,34	Mục V. Một số danh nhân khoa học – công nghệ và giáo dục – đào tạo <i>(Tiết 1: mục 1)</i> 1. Tuệ Tĩnh 2. Lê Quý Đôn	03	<ul style="list-style-type: none"> – Biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử để hiểu về một số danh nhân trong lịch sử Việt Nam về lĩnh vực khoa học – công nghệ và giáo dục – đào tạo. – Nêu được nhận xét về đóng góp chính của danh nhân văn hoá trong lĩnh vực khoa học – công nghệ và giáo dục – đào tạo thông qua ví dụ cụ thể. – Có ý thức trân trọng những đóng góp của danh nhân khoa học – công nghệ và giáo dục – đào tạo trong lịch sử dân tộc.
35	KIỂM TRA CHUYÊN ĐỀ 3	01	

Ghi chú: Giáo viên có thể linh hoạt điều chỉnh thời lượng số tiết dạy trong một mục và giữa các mục của một chuyên đề cho phù hợp với KHBD của mình nhưng phải đảm bảo đủ số tiết của mỗi chuyên đề theo PPCT được thống nhất chung trong nhóm chuyên môn.

LỊCH SỬ 12

Cả năm: 35 tuần (52 tiết)

Học kì I: 18 tuần (27 tiết)

Học kì II: 17 tuần (25 tiết)

Tiết PPCT	Bài học	Số tiết	Yêu cầu cần đạt
HỌC KÌ I			
LỊCH SỬ THẾ GIỚI			
CHỦ ĐỀ 1. THẾ GIỚI TRONG VÀ SAU CHIẾN TRANH LẠNH (12% ≈ 6 tiết)			
1, 2	Bài 1. Liên hợp quốc <i>(Tiết 1: mục 1)</i> Mục 1. Một số vấn đề cơ bản về Liên hợp quốc	02	<ul style="list-style-type: none"> – Biết cách sưu tầm và sử dụng tài liệu để tìm hiểu quá trình thành lập Liên hợp quốc.

	<p>a) Bối cảnh lịch sử và quá trình hình thành b) Mục tiêu, nguyên tắc hoạt động</p> <p>Mục 2. Vai trò của Liên hợp quốc a) Duy trì hoà bình, an ninh quốc tế</p> <p>b) Thúc đẩy phát triển kinh tế, tài chính, thương mại quốc tế và nâng cao đời sống người dân c) Đảm bảo quyền con người, phát triển văn hoá, xã hội</p>		<ul style="list-style-type: none"> – Nêu được bối cảnh lịch sử và quá trình hình thành Liên hợp quốc. – Trình bày được mục tiêu, nguyên tắc hoạt động cơ bản của Liên hợp quốc. – Nêu được vai trò của Liên hợp quốc trong việc duy trì hoà bình, an ninh quốc tế. – Trình bày được vai trò của Liên hợp quốc trong việc thúc đẩy phát triển, tạo môi trường thuận lợi để phát triển kinh tế, tài chính, thương mại quốc tế, nâng cao đời sống người dân. – Trình bày được vai trò của Liên hợp quốc trong việc đảm bảo quyền con người, phát triển văn hoá, xã hội.
3, 4	<p>Bài 2. Trật tự thế giới trong Chiến tranh lạnh <i>(Tiết 1: mục 1)</i></p> <p>Mục 1. Quá trình hình thành và tồn tại của Trật tự thế giới hai cực I-an-ta a) Sự hình thành Trật tự thế giới hai cực I-an-ta b) Quá trình tồn tại của Trật tự thế giới hai cực I-an-ta</p> <p>Mục 2. Nguyên nhân và tác động của sự sụp đổ Trật tự thế giới hai cực I-an-ta a) Nguyên nhân sụp đổ b) Tác động</p>	02	<ul style="list-style-type: none"> – Biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu về Trật tự thế giới hai cực I-an-ta – Trình bày được quá trình hình thành và tồn tại của Trật tự thế giới hai cực I-an-ta. – Nêu được nguyên nhân dẫn đến sự sụp đổ của Trật tự thế giới hai cực I-an-ta. – Phân tích được tác động sự sụp đổ Trật tự thế giới hai cực I-an-ta đối với tình hình thế giới.
5, 6	<p>Bài 3. Trật tự thế giới sau Chiến tranh lạnh <i>(Tiết 1: mục 1)</i></p> <p>Mục 1. Các xu thế phát triển chính của thế giới sau Chiến tranh lạnh . Xu thế phát triển lấy kinh tế làm trọng tâm . Xu thế toàn cầu hoá . Xu thế đối thoại, hợp tác trong quan hệ quốc tế</p> <p>Mục 2. Xu thế đa cực trong quan hệ quốc tế a) Khái niệm đa cực b) Xu thế đa cực</p>	02	<ul style="list-style-type: none"> – Nêu được xu thế phát triển chính của thế giới sau Chiến tranh lạnh. – Trình bày được khái niệm đa cực. – Nêu được xu thế đa cực trong quan hệ quốc tế sau Chiến tranh lạnh. – Vận dụng được những hiểu biết về thế giới sau Chiến tranh

			lạnh để giải thích những vấn đề thời sự trong quan hệ quốc tế.
7,8	Thực hành chủ đề 1	02	<ul style="list-style-type: none"> – Tổ chức các cuộc thi tìm hiểu lịch sử, các trò chơi lịch sử,... – Tổ chức các hoạt động thực hành lịch sử tại lớp học.
LỊCH SỬ ĐÔNG NAM Á			
CHỦ ĐỀ 2. ASEAN: NHỮNG CHẶNG ĐƯỜNG LỊCH SỬ (8% ≈ 4 tiết)			
9,10	<p>Bài 4. Sự ra đời và phát triển của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) <i>(Tiết 1: mục 1)</i></p> <p>Mục 1. Quá trình hình thành và mục đích thành lập tổ chức ASEAN</p> <p>a) Quá trình hình thành tổ chức ASEAN b) Mục đích thành lập ASEAN</p> <p>Mục 2. Hành trình phát triển của ASEAN</p> <p>a) Từ ASEAN 5 (1967) đến ASEAN 10 (1999) b) Các giai đoạn phát triển chính của ASEAN (từ năm 1967 đến nay)</p>	02	<ul style="list-style-type: none"> – Biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu để tìm hiểu về quá trình thành lập ASEAN. – Trình bày được quá trình thành lập và mục đích thành lập của ASEAN. – Trình bày được quá trình phát triển từ ASEAN 5 đến ASEAN 10. – Nêu được các giai đoạn phát triển chính của ASEAN (1967 đến nay).
11,12	<p>Bài 5. Cộng đồng ASEAN: Từ ý tưởng đến hiện thực <i>(Tiết 1: mục 1)</i></p> <p>Mục 1. Ý tưởng, mục tiêu và kế hoạch xây dựng Cộng đồng ASEAN</p> <p>a) Ý tưởng xây dựng Cộng đồng ASEAN b) Mục tiêu xây dựng Cộng đồng ASEAN c) Kế hoạch xây dựng Cộng đồng ASEAN</p> <p>Mục 2. Ba trụ cột của Cộng đồng ASEAN</p> <p>a) Cộng đồng Chính trị - An ninh ASEAN (APSC) b) Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC) c) Cộng đồng Văn hoá – Xã hội ASEAN (ASCC)</p> <p>Mục 3. Cộng đồng ASEAN sau năm 2015</p> <p>. Tầm nhìn ASEAN sau năm 2015 . Những thách thức và triển vọng của Cộng đồng ASEAN</p>	02	<ul style="list-style-type: none"> – Biết cách sưu tầm và sử dụng tài liệu để tìm hiểu về quá trình hình thành và mục tiêu của Cộng đồng ASEAN. – Nêu được nét chính về ý tưởng, mục tiêu và kế hoạch xây dựng Cộng đồng ASEAN. – Trình bày được nội dung ba trụ cột của Cộng đồng ASEAN. – Nêu được những thách thức và triển vọng của Cộng đồng ASEAN. Có ý thức sẵn sàng tham gia vào các hoạt động xây dựng Cộng đồng ASEAN.
13	Thực hành chủ đề 2	01	<ul style="list-style-type: none"> – Tổ chức các cuộc thi tìm hiểu lịch sử, các trò chơi lịch sử,... – Tổ chức các hoạt động thực hành lịch sử tại lớp học.

LỊCH SỬ VIỆT NAM			
CHỦ ĐỀ 3. CÁC MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945, CHIẾN TRANH GIẢI PHÓNG DÂN TỘC VÀ CHIẾN TRANH BẢO VỆ TỔ QUỐC TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM (TỪ THÁNG 8 NĂM 1945 ĐẾN NAY) (16% ≈ 8 tiết ⇒ 10 tiết)			
14,15	Bài 6. Cách mạng tháng Tám năm 1945 <i>(Tiết 1: mục 1, 2)</i> Mục 1. Bối cảnh lịch sử Mục 2. Diễn biến chính của Cách mạng tháng Tám năm 1945 Mục 3. Nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa và bài học kinh nghiệm của Cách mạng tháng Tám năm 1945 <ol style="list-style-type: none"> a) Nguyên nhân thắng lợi b) Ý nghĩa lịch sử c) Bài học kinh nghiệm 	02	<ul style="list-style-type: none"> – Trình bày được nét khái quát về bối cảnh lịch sử, diễn biến chính của Cách mạng tháng Tám năm 1945. – Nêu được nguyên nhân thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945. – Phân tích được ý nghĩa và bài học lịch sử của Cách mạng tháng Tám năm 1945.
16	KIỂM TRA GIỮA KỲ 1	01	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra kiến thức từ bài 1 đến bài 5 - Đánh giá được kỹ năng, phẩm chất, phẩm chất cần đạt của HS theo yêu cầu cần đạt
17,18,19	Bài 7. Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954) <i>(Tiết 1: mục 1 & mục 2.a, b, c)</i> Mục 1. Bối cảnh lịch sử của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954) Mục 2. Diễn biến chính của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954) <ol style="list-style-type: none"> a) Kháng chiến của nhân dân Nam Bộ chống thực dân Pháp trở lại xâm lược (1945) b) Những năm đầu của cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp (1946-1950) c) Bước phát triển mới của cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp (1951-1953) d) Cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp thắng lợi (1953-1954) Mục 3. Nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống thực dân	03	<ul style="list-style-type: none"> – Biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu về cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. – Trình bày được nét khái quát về bối cảnh lịch sử, diễn biến chính của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. – Nêu được nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

	<p>Pháp (1945-1954) a) Nguyên nhân thắng lợi b) Ý nghĩa lịch sử</p>		<ul style="list-style-type: none"> – Phân tích được ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.
20, 21,22	<p>Bài 8. Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975) <i>(Tiết 1: mục 1 & mục 2.a; Tiết 2: mục 2.b, c, d)</i> Mục 1. Bối cảnh lịch sử của cuộc kháng chiến chống thực dân Mỹ, cứu nước Mục 2. Các giai đoạn phát triển chính của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975) a) Giai đoạn 1954-1960 b) Giai đoạn 1961-1965 c) Giai đoạn 1965-1968 d) Giai đoạn 1969-1973 e) Giai đoạn 1973-1975 Mục 3. Nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước a) Nguyên nhân thắng lợi b) Ý nghĩa lịch sử</p>	03	<ul style="list-style-type: none"> – Biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu về cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. – Trình bày được nét khái quát về bối cảnh lịch sử, các giai đoạn phát triển chính của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. – Nêu được nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. – Phân tích ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. – Trân trọng, tự hào về truyền thống bất khuất của cha ông trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, tham gia vào công tác đền ơn đáp nghĩa ở địa phương.
23,24	<p>Bài 9. Cuộc đấu tranh bảo vệ tổ quốc từ sau tháng 4-1975 đến nay. Một số bài học lịch sử của các cuộc kháng chiến bảo vệ tổ quốc từ năm 1945 đến nay <i>(Tiết 1: mục 1 & mục 2.a, b)</i> Mục 1. Bối cảnh lịch sử của cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4-1975 đến nay Mục 2. Các cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4-1975 a) Cuộc chiến đấu bảo vệ Tổ quốc ở vùng biên giới Tây Nam b) Cuộc chiến đấu bảo vệ Tổ quốc ở vùng biên giới phía Bắc c) Cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền trên Biển</p>	02	<ul style="list-style-type: none"> – Biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu về các cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4 năm 1975 đến nay. – Trình bày được những nét khái quát về bối cảnh lịch sử, diễn biến chính về cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc ở vùng biên giới Tây Nam và biên giới phía Bắc (từ sau tháng 4 năm 1975 đến những năm 80 của thế kỉ XX); cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền quốc gia ở vùng biên giới phía Bắc và ở Biển Đông từ năm 1979 đến nay.

	<p>Đông</p> <p>Mục 3. Ý nghĩa lịch sử của cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4-1975 đến nay</p> <p>Mục 4. Một số bài học lịch sử của các cuộc kháng chiến bảo vệ Tổ quốc từ năm 1945 đến nay</p> <ul style="list-style-type: none"> – Về tinh thần yêu nước – Về vai trò của khối đoàn kết dân tộc – Về kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại – Về nghệ thuật lãnh đạo, nghệ thuật quân sự. 		<ul style="list-style-type: none"> – Nêu được ý nghĩa lịch sử của cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4 năm 1975 đến nay. – Nêu được những bài học cơ bản của các cuộc kháng chiến bảo vệ Tổ quốc từ năm 1945 đến nay – Phân tích được giá trị thực tiễn của những bài học lịch sử của các cuộc kháng chiến bảo vệ Tổ quốc từ năm 1945 đến nay. Trân trọng những bài học kinh nghiệm trong lịch sử và sẵn sàng góp phần tham gia bảo vệ Tổ quốc khi Tổ quốc cần.
25,26	Thực hành chủ đề 3	02	<ul style="list-style-type: none"> – Tổ chức các cuộc thi tìm hiểu lịch sử, các trò chơi lịch sử,... – Tổ chức các hoạt động thực hành lịch sử tại lớp học.
27	KIỂM TRA HẾT HỌC KỲ 1	1	<ul style="list-style-type: none"> – <u>Kiểm tra toàn bộ kiến thức ở kì I (từ bài 1 đến bài 9).</u> Đánh giá được kỹ năng, phẩm chất cần đạt của HS theo yêu cầu chương trình.
CHỦ ĐỀ 4. CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI Ở VIỆT NAM TỪ NĂM 1986 ĐẾN NAY (12% ≈ 5 tiết)			
28,29,30	<p>Bài 10. Khái quát về công cuộc đổi mới từ năm 1986 đến nay</p> <p><i>(Tiết 1: mục 1)</i></p> <p><i>Mục 1. Giai đoạn khởi đầu công cuộc Đổi mới (1986-1995)</i></p> <p><i>Mục 2. Giai đoạn đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, hội nhập kinh tế quốc tế (1996-2006)</i></p> <p><i>Mục 3. Giai đoạn tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, hội nhập quốc tế sâu rộng (2006 – nay)</i></p>	03	<ul style="list-style-type: none"> – Trình bày được những nội dung chính các giai đoạn của công cuộc Đổi mới đất nước từ năm 1986 đến nay.
31,32,33	<p>Bài 11. Thành tựu cơ bản và bài học của công cuộc đổi mới ở Việt Nam từ năm 1986 đến nay</p> <p><i>(Tiết 1: mục 1.a, b; Tiết 2: mục 1.c, d)</i></p> <p>Mục 1. Thành tựu cơ bản trong công cuộc Đổi mới ở Việt Nam</p> <p>a) Kinh tế</p>	03	<ul style="list-style-type: none"> – Trình bày được thành tựu cơ bản của công cuộc Đổi mới ở Việt Nam về chính trị, kinh tế, xã hội, văn hoá, an ninh - quốc phòng và hội nhập quốc tế.

	b) Chính trị, an ninh - quốc phòng c) Văn hoá - xã hội d) Hội nhập quốc tế Mục 2. Bài học kinh nghiệm của công cuộc Đổi mới – Kiên trì mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trên nền tảng chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. – Đổi mới toàn diện, đồng bộ, có bước đi, hình thức và cách làm phù hợp. – Đổi mới phải vì lợi ích của nhân dân, phát huy vai trò chủ động, sáng tạo của nhân dân. – Kết hợp sức mạnh nội lực và ngoại lực, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại trong điều kiện mới.		– Nêu được một số bài học kinh nghiệm của công cuộc Đổi mới ở Việt Nam từ năm 1986 đến nay.
34,35	Thực hành chủ đề 4	02	– Tổ chức các cuộc thi tìm hiểu lịch sử, các trò chơi lịch sử,... – Tổ chức các hoạt động thực hành lịch sử tại lớp học.
CHỦ ĐỀ 5. LỊCH SỬ ĐỐI NGOẠI CỦA VIỆT NAM THỜI CẬN – HIỆN ĐẠI (10% ≈ 5 tiết)			
36,37	Bài 12. Hoạt động đối ngoại của Việt Nam trong đấu tranh giành độc lập dân tộc (từ đầu thế kỉ XX đến cách mạng tháng Tám năm 1945) Mục 1. Hoạt động đối ngoại của Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh Mục 2. Hoạt động đối ngoại của Nguyễn Ái Quốc và Đảng Cộng sản Đông Dương a) Hoạt động đối ngoại của Nguyễn Ái Quốc (1911-1930) b) Hoạt động đối ngoại của Đảng Cộng sản Đông Dương (1930-1945)	02	– Nêu được những hoạt động đối ngoại chủ yếu của Việt Nam trong đấu tranh giành độc lập dân tộc (từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám năm 1945).
38,39	Bài 13. Hoạt động đối ngoại của Việt Nam trong kháng chiến chống Pháp (1945-1954) và kháng chiến chống Mỹ (1954-1975) (Tiết 1: mục 1) Mục 1. Hoạt động đối ngoại của Việt Nam trong kháng chiến chống Pháp (1945-1954)	02	– Nêu được những hoạt động đối ngoại chủ yếu của Việt Nam trong kháng chiến chống Pháp 1945-1954. – Nêu được những hoạt động đối ngoại chủ yếu của Việt Nam

	<i>Mục 2. Hoạt động đối ngoại của Việt Nam trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975)</i>		trong kháng chiến chống Mỹ 1954-1975.
40	<p>Bài 14. Hoạt động đối ngoại của Việt Nam từ năm 1975 đến nay <i>(Tiết 1: mục 1)</i> Mục 1. Hoạt động đối ngoại của Việt Nam trong giai đoạn 1975-1985 Mục 2. Hoạt động đối ngoại của Việt Nam trong thời kì Đổi mới (từ năm 1986 đến nay)</p>	01	<ul style="list-style-type: none"> – Nêu được những hoạt động đối ngoại chủ yếu của Việt Nam trong giai đoạn 1975-1985. – Nêu được những hoạt động đối ngoại chủ yếu của Việt Nam trong giai đoạn từ năm 1986 đến nay. – Tự hào về truyền thống ngoại giao của cha ông trong lịch sử, góp phần vào việc xây dựng hình ảnh đẹp, thân thiện của đất nước Việt Nam trong cộng đồng quốc tế.
41	Thực hành chủ đề 5	01	<ul style="list-style-type: none"> – Tổ chức các cuộc thi tìm hiểu lịch sử, các trò chơi lịch sử,... – Tổ chức các hoạt động thực hành lịch sử tại lớp học.
CHỦ ĐỀ 6. HỒ CHÍ MINH TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM (12% ≈ 6 tiết) Lồng ghép tích hợp HỌC tập và làm theo tư tưởng đạo đức, phong cách HỒ CHÍ MINH			
42	<p>Bài 15. Khái quát cuộc đời và sự nghiệp của Hồ Chí Minh <i>(Tiết 1: mục 1, mục 2. Thời niên thiếu và những hoạt động đầu tiên (1890-1911))</i> Mục 1. Những yếu tố ảnh hưởng đến cuộc đời và sự nghiệp Hồ Chí Minh</p> <ul style="list-style-type: none"> – Hoàn cảnh đất nước – Hoàn cảnh quê hương – Hoàn cảnh gia đình <p>Mục 2. Tiểu sử và tiến trình hoạt động cách mạng của Hồ Chí Minh</p> <ul style="list-style-type: none"> – Thời niên thiếu và những hoạt động đầu tiên (1890-1911) – Những năm tháng hoạt động ở nước ngoài (1911-1941) – Trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt Nam (1941-1969) 		–

43	Kiểm tra đánh giá giữa kì II	01	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá kết quả học tập của HS từ bài 10 đến bài 15. - Xác định mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của HS so với yêu cầu cần đạt. - Đánh giá năng lực tìm hiểu; vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học (thông qua hệ thống câu hỏi kiểm tra). - Giáo dục ý thức trung thực, tự giác, nghiêm túc trong quá trình kiểm tra.
44, 45,46	<p>Bài 16. Hồ Chí Minh – Anh hùng giải phóng dân tộc <i>(Tiết 1: mục 1, mục 2; Tiết 2: mục 3,4)</i></p> <p>Mục 1. Hành trình tìm đường cứu nước</p> <ul style="list-style-type: none"> – Hành trình đi tìm đường cứu nước – Con đường cứu nước – Ý nghĩa của việc tìm ra con đường cứu nước <p>Mục 2. Sáng lập Đảng Cộng sản Việt Nam</p> <ol style="list-style-type: none"> a) Chuẩn bị về chính trị, tư tưởng và tổ chức cho sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam b) Triệu tập, chủ trì Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam c) Ý nghĩa của việc thành lập Đảng <p>Mục 3. Chuẩn bị và lãnh đạo Cách mạng tháng Tám năm 1945</p> <ul style="list-style-type: none"> – Triệu tập Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương (5-1941) – Chuẩn bị về lực lượng chính trị, lực lượng vũ trang và căn cứ địa cho Cách mạng tháng Tám năm 1945 – Trực tiếp lãnh đạo Cách mạng tháng Tám và thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà <p>Mục 4. Lãnh đạo cuộc kháng chiến chống Pháp (1945-1954) và kháng chiến chống Mỹ từ năm 1954 đến năm 1969</p> <ol style="list-style-type: none"> a) Hồ Chí Minh lãnh đạo kháng chiến chống 	03	<ul style="list-style-type: none"> – Giới thiệu được hành trình đi tìm đường cứu nước của Hồ Chí Minh trên bản đồ. – Nêu được nội dung cơ bản của con đường cứu nước của Hồ Chí Minh. – Nêu được ý nghĩa và sự kiện Hồ Chí Minh tìm ra con đường cứu nước. – Trình bày được quá trình chuẩn bị về chính trị, tư tưởng, tổ chức của Hồ Chí Minh cho sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam. – Nêu được vai trò của Hồ Chí Minh đối với sự thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam và ý nghĩa của việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam. – Nêu được vai trò của Hồ Chí Minh đối với việc triệu tập Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương lần thứ 8 (tháng 5-1941), thành lập Mặt trận Việt Minh, thành lập đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân, trực tiếp lãnh đạo Cách mạng tháng Tám 1945 và lập ra nước Việt nam Dân chủ Cộng hoà. – Nêu được ý nghĩa của việc thành lập Mặt trận Việt Minh (ngày 19-5-1941) và vai trò của Hồ Chí Minh.

	<p><i>Pháp (1945-1954)</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Lãnh đạo kháng chiến trong những năm 1945-1946 – Lãnh đạo cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp (1946-1954) <p><i>b) Lãnh đạo cuộc kháng chiến chống Mỹ từ năm 1954 đến năm 1969</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Lãnh đạo xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc – Chỉ đạo sự nghiệp đấu tranh giải phóng miền Nam, xác định đường lối và quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược – Là biểu tượng đoàn kết và có vai trò to lớn trong đấu tranh ngoại giao 		<ul style="list-style-type: none"> – Nêu được vai trò của Hồ Chí Minh trong giai đoạn sau Cách mạng tháng Tám (1945-1946) khi thực hiện chủ trương “hoà để tiến” thông qua việc kí Hiệp định Sơ bộ (ngày 6-3-1946) và bản Tạm ước (ngày 14-9-1946). – Nêu được vai trò của Hồ Chí Minh trong kháng chiến chống Pháp (1946-1954). – Nêu được vai trò của Hồ Chí Minh trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1969). – Có ý thức trân trọng công lao, đóng góp của Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam.
47, 48	<p>Bài 17. Dấu ấn Hồ Chí Minh trong lòng nhân dân thế giới và Việt Nam <i>(Tiết 1: mục 1)</i></p> <p>Mục 1. Chủ tịch Hồ Chí Minh trong lòng nhân dân thế giới</p> <ul style="list-style-type: none"> – Danh hiệu: + Năm 1987, UNESCO công nhận Hồ Chí Minh là anh hùng giải phóng dân tộc, nhà văn hoá lớn. + Nhân dân thế giới đánh giá cao những cống hiến và những giá trị tư tưởng và văn hoá của Hồ Chí Minh. – Tưởng niệm: Nhà lưu niệm; Đài kỉ niệm; Đặt tên một số đại lộ,... <p>Mục 2. Hồ Chí Minh “sống mãi” trong lòng nhân dân Việt Nam</p> <ul style="list-style-type: none"> – Bảo tàng, Nhà lưu niệm – Hình tượng văn học, nghệ thuật – Phong trào học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức và phong cách Hồ Chí Minh 	02	<ul style="list-style-type: none"> – Nêu được nguyên nhân nhân dân thế giới đánh giá cao những cống hiến và giá trị tư tưởng, văn hoá của Chủ tịch Hồ Chí Minh. – Nêu được nguyên nhân Chủ tịch Hồ Chí Minh sống mãi đối với dân tộc Việt Nam. – Có ý thức trân trọng những cống hiến và giá trị tư tưởng văn hoá của Chủ tịch Hồ Chí Minh, tích cực tham gia phong trào học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức và phong cách Hồ Chí Minh.
49, 50	Thực hành chủ đề 6	02	– Tham quan, học tập tại Bảo tàng Hồ Chí Minh.

51	Ôn tập cuối kì II	01	<ul style="list-style-type: none"> – Hệ thống hóa được kiến thức đã học. – Nhận biết, thông hiểu và vận dụng được những nội dung cơ bản các chủ đề để làm bài tập trắc nghiệm và tự luận.
52	Kiểm tra cuối kì II	01	<ul style="list-style-type: none"> – <u>Kiểm tra toàn bộ kiến thức ở kì II (từ bài 13 đến bài 17).</u> – Đánh giá được kĩ năng, phẩm chất cần đạt của HS theo yêu cầu chương trình.

***Ghi chú:** Giáo viên có thể linh hoạt điều chỉnh thời lượng số tiết dạy giữa các mục trong một bài và giữa các bài trong một chủ đề cho phù hợp với KHBD của mình nhưng phải đảm bảo đủ số tiết của mỗi chủ đề theo PPCT được thống nhất chung trong nhóm chuyên môn.*

2. Chuyên đề lựa chọn:

Cả năm: 35 tuần (35 tiết)

- Học kì I: 18 tuần (18 tiết)

- Học kì II: 17 tuần (17 tiết)

STT	Chuyên đề (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Thay đổi, điều chỉnh
------------	--------------------------	------------------------	--------------------------------	-----------------------------

1-14	CHUYÊN ĐỀ 1 – Lịch sử tín ngưỡng và tôn giáo ở Việt Nam	14	<ul style="list-style-type: none"> - Giải thích được khái niệm tín ngưỡng, tôn giáo. - Liệt kê được các tín ngưỡng ở Việt Nam và chỉ ra được một số nét chính của các tín ngưỡng (như: tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên và Quốc Tổ Hùng Vương, thờ Mẫu, thờ Thành hoàng, thờ anh hùng dân tộc,...) thông qua hoạt động trải nghiệm, tham quan thực tế ở địa phương. - Phân tích được những biểu hiện của Nho giáo trong đời sống văn hoá – xã hội Việt Nam. - Chỉ ra được những biểu hiện của Phật giáo trong đời sống văn hoá – xã hội thông qua trải nghiệm thực tế, tham quan chùa ở địa phương. - Nêu được những biểu hiện của Cơ Đốc giáo (gồm Công giáo, Tin Lành) và Đạo giáo trong đời sống văn hoá – xã hội. <p>Nêu được một số nét chính về một số tôn giáo khác (như: đạo Cao Đài, Phật giáo Hoà Hảo, Hồi giáo,...).</p>	
15	KIỂM TRA CHUYÊN ĐỀ 1	01		
16-24	CHUYÊN ĐỀ 2 – Nhật Bản: hành trình lịch sử từ năm 1945 đến nay	9	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được những chuyển biến của Nhật Bản trong thời kì bị chiếm đóng: quá trình dân chủ hoá, những chuyển biến về kinh tế, xã hội. - Biết sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử để hiểu về “sự thần kì” kinh tế của Nhật Bản. - Giải thích được nguyên nhân dẫn đến “sự thần kì” kinh tế của Nhật Bản. - Phân tích được những nét chính về tình hình chính trị – xã hội Nhật Bản trong những năm 1952-1973. - Giải thích được nguyên nhân của sự phát triển không ổn định về kinh tế của Nhật Bản từ năm 1973 đến năm 2000. - Nêu được những nét chính về tình hình chính trị, xã hội Nhật Bản trong 	

25	KIỂM TRA CHUYÊN ĐỀ 2	01	<p>những năm 1973-2000.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được quá trình cải cách và phục hồi kinh tế của Nhật Bản những năm đầu thế kỉ XXI. - Phân tích được những chuyển biến về chính trị, xã hội của Nhật Bản những năm đầu thế kỉ XXI: mặt tích cực, mặt tiêu cực. 	
26-34	CHUYÊN ĐỀ 3 – Quá trình hội nhập quốc tế của Việt Nam	9	<ul style="list-style-type: none"> - Giải thích được khái niệm toàn cầu hoá; biết sưu tầm và sử dụng tư liệu để tìm hiểu về toàn cầu hoá. – Phân tích được những biểu hiện, tác động tích cực và tiêu cực của toàn cầu hoá thông qua ví dụ cụ thể. - Giải thích được khái niệm hội nhập quốc tế. Nêu được các lĩnh vực hội nhập quốc tế: kinh tế, chính trị, an ninh - quốc phòng, văn hoá, giáo dục,... thông qua ví dụ cụ thể. - Giải thích được những tác động (tích cực và tiêu cực) của toàn cầu hoá đối với Việt Nam thông qua ví dụ cụ thể. - Biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu để tìm hiểu quá trình Việt Nam hội nhập khu vực và thế giới. – Phân tích được vai trò và đóng góp của Việt Nam trong tổ chức ASEAN (trên các lĩnh vực: kinh tế, chính trị, an ninh, văn hoá, xã hội,...). Nêu được những nét chính về quá trình Việt Nam tham gia các tổ chức quốc tế (Liên hợp quốc, các tổ chức khác). 	
35	KIỂM TRA CHUYÊN ĐỀ 3	01		

II. Kiểm tra đánh giá

1. Kiểm tra, đánh giá khối 10

a) Cơ số điểm

LỚP	HỌC KÌ I			HỌC KÌ II		
	ĐDGtx	ĐDGgk	ĐDGck	ĐDGtx	ĐDGgk	ĐDGck
Các lớp học CD lựa chọn	3	1	3	4	1	1
Các lớp không học chuyên đề lựa chọn	3	1	1	3	1	1

b) Các bài kiểm tra, đánh giá định kỳ

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian	Thời điểm	Yêu cầu cần đạt	Hình thức
Giữa học kì I	- Theo PPCT và kế hoạch kiểm tra (KHKT) của Nhà trường. (Khoảng tuần thứ 9)	- Theo PPCT, KHKT của Nhà trường.	- HS đạt được 3 mức độ: tìm hiểu lịch sử, nhận thức và tư duy lịch sử; vận dụng kiến thức và kỹ năng lịch sử.	- Kiểm tra tập trung, kiểm tra trên lớp. - Làm trên giấy 70% trắc nghiệm, 30% Tự luận.
Cuối học kì I	- Theo PPCT, KHKT của Sở GD&ĐT và Nhà trường. (Khoảng tuần thứ 16)	- Theo PPCT, KHKT của Sở GD&ĐT và Nhà trường.	- HS đạt được 3 mức độ: tìm hiểu lịch sử, nhận thức và tư duy lịch sử; vận dụng kiến thức và kỹ năng lịch sử.	- Kiểm tra tập trung, kiểm tra trên lớp. - Làm trên giấy 70% trắc nghiệm, 30% Tự luận.
Giữa học kì II	- Theo PPCT và KHKT của Sở GD&ĐT, Nhà trường. (Khoảng tuần thứ 26)	- Theo PPCT, KHKT của Sở GD&ĐT, Nhà trường.	- HS đạt được 3 mức độ: tìm hiểu lịch sử, nhận thức và tư duy lịch sử; vận dụng kiến thức và kỹ năng lịch sử.	- Kiểm tra tập trung, kiểm tra trên lớp. - Làm trên giấy 70% trắc nghiệm, 30% Tự luận.
Cuối học kì II	- Theo PPCT, KHKT của Sở GD&ĐT và Nhà trường. (Khoảng tuần thứ 34)	- Theo PPCT, KHKT của Sở GD&ĐT và Nhà trường.	- HS đạt được 3 mức độ: tìm hiểu lịch sử, nhận thức và tư duy lịch sử; vận dụng kiến thức và kỹ năng lịch sử.	- Kiểm tra tập trung, kiểm tra trên lớp. - Làm trên giấy 70% trắc nghiệm, 30% Tự luận.

2. Kiểm tra, đánh giá khối 11

a) Cơ số điểm

LỚP	HỌC KÌ I	HỌC KÌ II
-----	----------	-----------

	ĐDGtx	ĐDGgk	ĐDGck	ĐDGtx	ĐDGgk	ĐDGck
Các lớp học CD lựa chọn	3	1	3	4	1	1
Các lớp không học chuyên đề lựa chọn	3	1	1	3	1	1

b) Các bài kiểm tra, đánh giá định kỳ

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian	Thời điểm	Yêu cầu cần đạt	Hình thức
Giữa học kì I	- Theo PPCT và kế hoạch kiểm tra (KHKT) của Nhà trường. <i>(Khoảng tuần thứ 9)</i>	- Theo PPCT, KHKT của Nhà trường.	- HS đạt được 3 mức độ: tìm hiểu lịch sử, nhận thức và tư duy lịch sử; vận dụng kiến thức và kỹ năng lịch sử.	- Kiểm tra tập trung, kiểm tra trên lớp. - Làm trên giấy 70% trắc nghiệm, 30% Tự luận.
Cuối học kì I	- Theo PPCT, KHKT của Sở GD&ĐT và Nhà trường. <i>(Khoảng tuần thứ 16)</i>	- Theo PPCT, KHKT của Sở GD&ĐT và Nhà trường.	- HS đạt được 3 mức độ: tìm hiểu lịch sử, nhận thức và tư duy lịch sử; vận dụng kiến thức và kỹ năng lịch sử.	- Kiểm tra tập trung, kiểm tra trên lớp. - Làm trên giấy 70% trắc nghiệm, 30% Tự luận.
Giữa học kì II	- Theo PPCT và KHKT của Sở GD&ĐT, Nhà trường. <i>(Khoảng tuần thứ 26)</i>	- Theo PPCT, KHKT của Sở GD&ĐT, Nhà trường.	- HS đạt được 3 mức độ: tìm hiểu lịch sử, nhận thức và tư duy lịch sử; vận dụng kiến thức và kỹ năng lịch sử.	- Kiểm tra tập trung, kiểm tra trên lớp. - Làm trên giấy 70% trắc nghiệm, 30% Tự luận.
Cuối học kì II	- Theo PPCT, KHKT của Sở GD&ĐT và Nhà trường. <i>(Khoảng tuần thứ 34)</i>	- Theo PPCT, KHKT của Sở GD&ĐT và Nhà trường.	- HS đạt được 3 mức độ: tìm hiểu lịch sử, nhận thức và tư duy lịch sử; vận dụng kiến thức và kỹ năng lịch sử.	- Kiểm tra tập trung, kiểm tra trên lớp. - Làm trên giấy 70% trắc nghiệm, 30% Tự luận.

3. Kiểm tra, đánh giá định kì 12

a) Cơ số điểm

	HỌC KÌ I			HỌC KÌ II		
	ĐDGtx	ĐDGgk	ĐDGck	ĐDGtx	ĐDGgk	ĐDGck
Các lớp học CD lựa chọn	3	1	1	4	1	1
Các lớp không học chuyên đề	3	1	1	3	1	1

lựa chọn						
-----------------	--	--	--	--	--	--

b) Các bài kiểm tra định kỳ

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian	Thời điểm	Yêu cầu cần đạt	Hình thức
Giữa học kì I	- Theo PPCT và kế hoạch kiểm tra (KHKT) của Nhà trường. (Khoảng tuần thứ 9)	- Theo PPCT, KHKT của Nhà trường.	- HS đạt được 3 mức độ: tìm hiểu lịch sử, nhận thức và tư duy lịch sử; vận dụng kiến thức và kỹ năng lịch sử.	- Kiểm tra tập trung. - 100% Trắc nghiệm trên phiếu trắc nghiệm, hoặc trên giấy.
Cuối học kì I	- Theo PPCT, KHKT của Sở GD&ĐT và Nhà trường. (Khoảng tuần thứ 16)	- Theo PPCT, KHKT của Sở GD&ĐT và Nhà trường.	- HS đạt được 3 mức độ: tìm hiểu lịch sử, nhận thức và tư duy lịch sử; vận dụng kiến thức và kỹ năng lịch sử.	- Kiểm tra tập trung. - Trắc nghiệm trên phiếu trắc nghiệm, hoặc trên giấy.
Giữa học kì II	- Theo PPCT và KHKT của Sở GD&ĐT, Nhà trường. (Khoảng tuần thứ 26)	- Theo PPCT, KHKT của Sở GD&ĐT, Nhà trường.	- HS đạt được 3 mức độ: tìm hiểu lịch sử, nhận thức và tư duy lịch sử; vận dụng kiến thức và kỹ năng lịch sử.	- Kiểm tra tập trung. - Trắc nghiệm trên phiếu trắc nghiệm hoặc trên giấy.
Cuối học kì II	- Theo PPCT, KHKT của Sở GD&ĐT và Nhà trường. (Khoảng tuần thứ 34)	- Theo PPCT, KHKT của Sở GD&ĐT và Nhà trường.	- HS đạt được 3 mức độ: tìm hiểu lịch sử, nhận thức và tư duy lịch sử; vận dụng kiến thức và kỹ năng lịch sử.	- Kiểm tra tập trung. - Trắc nghiệm trên phiếu trắc nghiệm, hoặc trên giấy.

CÁC NỘI DUNG KHÁC

1. Sinh hoạt tổ nhóm chuyên môn:

- Sinh hoạt chuyên môn của tổ theo định kỳ hằng tuần theo hướng nghiên cứu bài học, sinh hoạt chuyên đề.
- Trao đổi, thảo luận về nội dung, phương pháp, kỹ thuật dạy học để dạy học theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.

2. Bồi dưỡng HS giỏi: Bồi dưỡng HS giỏi lớp 12 môn Lịch sử cấp tỉnh, tham gia kỳ thi chọn HS tham dự thi HSG quốc gia.

3. Tham gia các cuộc thi: Tham gia đầy đủ các cuộc thi do Ngành, Sở, Trường phát động và các cuộc thi khác theo quy định.

Ninh Bình, ngày 04 tháng 09 năm 2025.

**DUYỆT CỦA BAN GIÁM
HIỆU**

TỔ TRƯỞNG

Người lập kế hoạch



Đỗ Thị Anh Thư

Đỗ Thị Anh Thư

Lâm Thị Thuý

Lâm Thị Thuý